

BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN



Biến cơ hội thành giá trị

Tháng 07 năm 2023

Mục Lục

Tóm tắt.....	tr.3
Kinh tế Vĩ mô tháng 6	tr.4
Tổng quan TTCK tháng 6.....	tr.18
Triển vọng TTCK tháng 7	tr.35
Lịch sự kiện tháng 7	tr.39
Danh sách mã khuyến nghị năm 2023.....	tr.40
Tuyên bố miễn trừ.....	tr.51

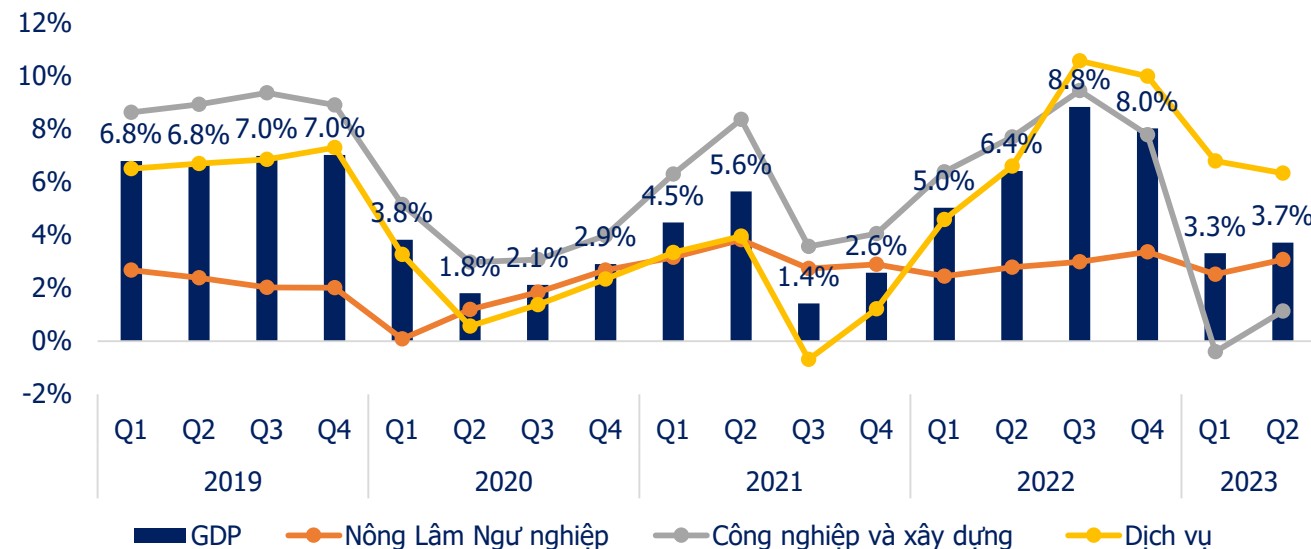
TÓM TẮT

- **Chỉ số VN-Index khép lại tháng 6 với mức tăng 4,19% so với tháng 5 và có quý tăng điểm thứ 2 liên tiếp.** So với đầu năm 2023, VN-Index tăng 11,2%, mức tăng tốt nhất trong các thị trường chứng khoán tại Đông Nam Á.
- **Thanh khoản cải thiện tháng thứ 3 liên tiếp trong tháng 6,** đạt trung bình 19.830,28 tỷ đồng/phiên (+36,55% MoM) và là mức cao nhất từ tháng 05/2022. Tuy vậy, tính chung 6 tháng đầu năm 2023, GTGD bình quân 3 sàn đạt 13.724 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ năm 2022.
- **Nhà đầu tư cá nhân là động lực cho sự tăng trưởng của thị trường khi mua ròng lượng bán ra của khối nhà đầu tư tổ chức.** Tính chung 6 tháng đầu năm nhà đầu tư cá nhân trong nước mua ròng 7.938 tỷ đồng, cá nhân nước ngoài mua ròng 2.280 tỷ đồng. Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới sau khi giảm và duy trì ở mức thấp trong 4 tháng đầu năm đã tăng trở lại trong tháng 5 và tháng 6, đạt tổng cộng 413.976 tài khoản, giảm 77,6% so với cùng kỳ năm 2022. Khối ngoại mua ròng 1.950 tỷ đồng trên thị trường Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023, tuy nhiên dòng tiền vận động kém trong QII đặc biệt từ các quỹ ETF.
- **Kinh tế giảm tốc, mục tiêu tăng trưởng 2023 gặp nhiều thách thức.** GDP 6 tháng đầu năm đạt 3,72%, mức tăng thấp nhất giai đoạn 2011 – 2023. Để đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% trong năm 2023, tăng trưởng nửa cuối năm cần phải đạt 8,9%, trong đó QIII tăng trưởng 7,4%, QIV tăng trưởng 10,3%. Kỳ vọng được đặt vào đẩy mạnh đầu tư công, FDI và các chính sách hỗ trợ giảm lãi suất, tín dụng nhà ở xã hội, tháo gỡ khó khăn thị trường bất động sản và trái phiếu.
- **Xu hướng thị trường trong 6 tháng cuối năm 2023 được dự báo theo hướng tích cực** và khả năng VN-Index sẽ dao động tích lũy trong vùng 1.150 điểm +/- 30 điểm và tiếp tục phân hóa. Trong trường hợp các điều kiện vĩ mô, thị trường, dòng tiền thuận lợi và chỉ số vượt qua được khu vực 1.180 điểm một cách thuyết phục, thị trường khả năng sẽ bước vào xu hướng tăng điểm dài hạn.
- Danh mục cổ phiếu khuyến nghị có tổng cộng 17 mã cổ phiếu. Chỉ số danh mục SHS tăng 1,6% trong tháng 6 và tăng 5,88% kể từ đầu năm so với mức tăng lần lượt của VN-Index là 4,1% và 7,3%. Cổ phiếu diễn biến tích cực nhất Danh mục SHS khuyến nghị tháng 6 là CSV (+11,78%), STB (+7,58%), PNJ (6,67%), cổ phiếu kém tích cực nhất danh mục là BID (-1,28%), POW (-1,83%).

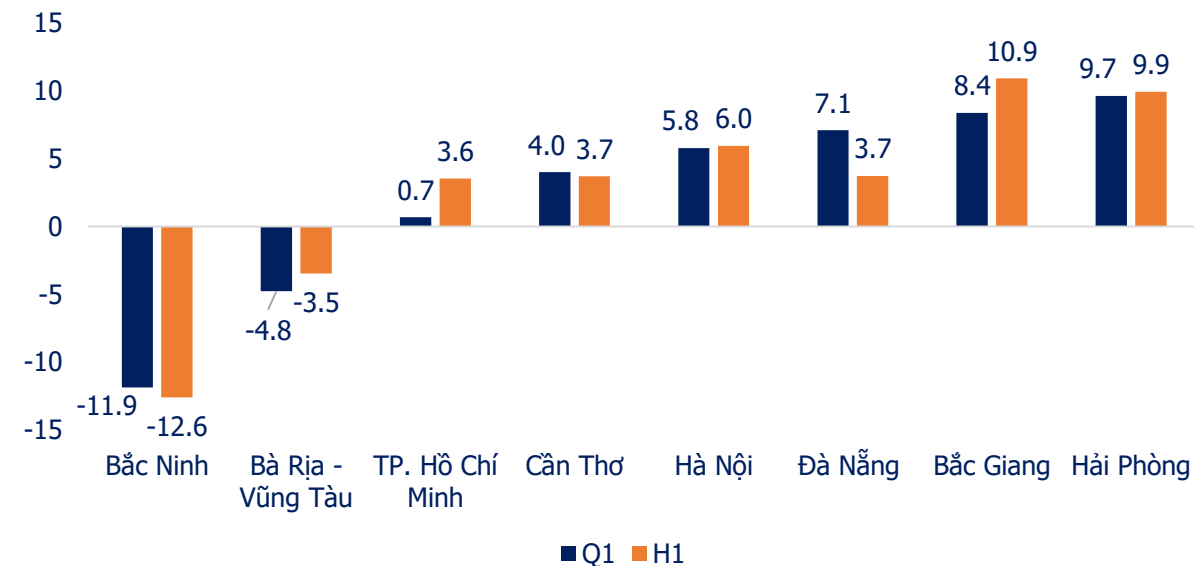


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Tăng trưởng GDP (YTD YoY)



Tăng trưởng GDP QI và 6T.2023 của một số tỉnh thành (%)



Tăng trưởng GDP Quý II/2023 đạt 4,14% YoY, 6 tháng đầu năm đạt 3,72%, mức tăng thấp nhất giai đoạn 2011 – 2023, không tính thời điểm 6 tháng năm 2020 do tác động của dịch bệnh Covid 19. Khu vực công nghiệp và xây dựng cho tín hiệu bước đầu phục hồi sau diễn biến giảm mạnh trong QI, được hỗ trợ nhờ mức tăng trưởng khá 7% trong Quý 2 của lĩnh vực xây dựng. Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ trong Quý II giảm nhẹ so với mức tăng của Quý I/2023, do tốc độ tăng chậm lại trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng Bảo hiểm và Dịch vụ lưu trú và ăn uống. Tuy nhiên Dịch vụ vẫn là khu vực đóng góp chính trong GDP 6 tháng đầu năm với 78,85% tổng giá trị tăng thêm.

Chi tiết theo từng tỉnh thành, trong 6 tháng đầu năm 2023, cả nước còn 4/63 tỉnh thành có mức tăng trưởng âm, có cải thiện so với mức 5/63 tỉnh thành trong QI/2023. Tốc độ tăng trưởng tại Bắc Giang, Hải Phòng, đặc biệt tại đầu tàu kinh tế TP. Hồ Chí Minh tích cực hơn trong Quý II. Bắc Ninh – thủ phủ của khu vực công nghiệp chế tạo - vẫn ghi nhận mức giảm mạnh hơn trong QII cho thấy bối cảnh còn khó khăn của nền kinh tế.

Để đạt mục tiêu tăng trưởng 6,5% trong năm 2023, tăng trưởng nửa cuối năm cần phải đạt 8,9%, trong đó QIII tăng trưởng 7,4%, QIV tăng trưởng 10,3%. Đây là mục tiêu khó khả thi khi nền so sánh GDP 6 tháng cuối năm 2022 đã ở mức cao (quý III 13,71%, quý IV 5,92%). Chính phủ hiện vẫn đang kiên định với mục tiêu tăng trưởng, với định hướng đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và điều hành chính sách tiền tệ nới lỏng linh hoạt để hỗ trợ nền kinh tế.

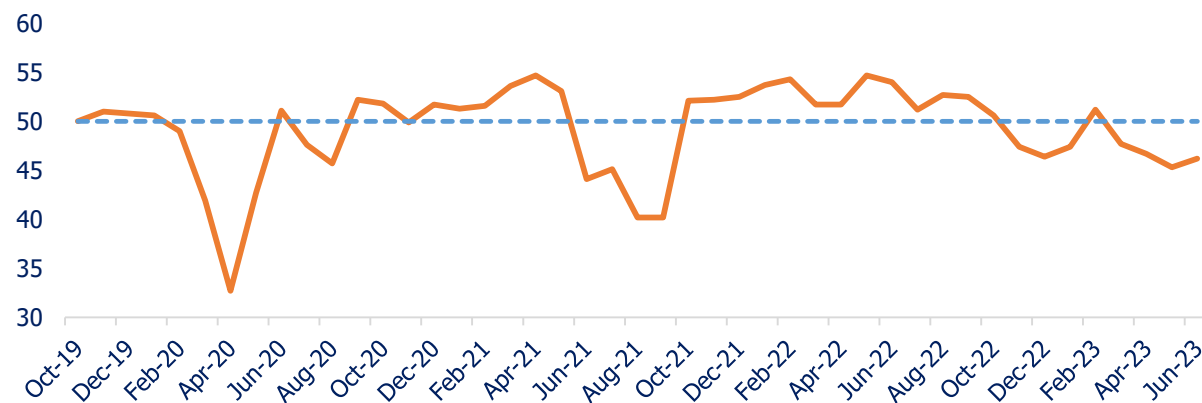
KINH TẾ VĨ MÔ NĂM THÁNG 6

Tháng thứ 4 liên tiếp PMI vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm. Theo đó, PMI tháng 06 đạt 46,2 điểm, cho thấy các điều kiện kinh doanh vẫn chưa được cải thiện. Nhu cầu toàn cầu sụt giảm đã làm suy giảm hoạt động sản xuất trên khắp Châu Âu và Mỹ, gây thách thức lớn đối với nhiều nhà xuất khẩu Châu Á, trong đó có Việt Nam. Xu hướng sụt giảm đơn hàng đã xuất hiện từ quý 4/2022, mặc dù có sự cải thiện nhẹ trong tháng 2 khi sản lượng, số lượng đơn hàng mới và việc làm tăng trở lại (PMI lên trên ngưỡng 50), ngành sản xuất từ tháng 03/2023 đã quay trở lại phản ánh bức tranh ảm đạm của nhu cầu.

- Số lượng đơn hàng mới ghi nhận mức giảm tháng thứ 4 liên tiếp từ tháng 03 tới tháng 06. Sản xuất tiếp tục gặp khó khăn khi nhu cầu thị trường yếu kém. Tình trạng thiếu điện đột ngột vừa qua cũng tác động một phần đến việc giảm sản lượng.
- Môi trường nhu cầu yếu đã khiến các công ty phải giảm hoạt động mua hàng (tháng thứ 4 liên tiếp). Việc làm cũng đã giảm tháng thứ tư liên tiếp, tốc độ giảm là đáng kể và mạnh hơn so với tháng 5. Với việc đơn hàng và việc làm đã liên tục giảm như vậy, chúng ta thực sự khó có thể hy vọng một sự hồi phục trong ngắn hạn.
- Cầu yếu cũng đã làm giảm áp lực lên giá cả, giá cả đầu ra đã giảm tháng thứ ba liên tiếp.
- Ngược lại, nhu cầu thiếu hụt đồng nghĩa với việc giảm áp lực lên chuỗi cung ứng, thời gian giao hàng của nhà cung cấp được rút ngắn với mức độ cao nhất trong gần 12 năm.

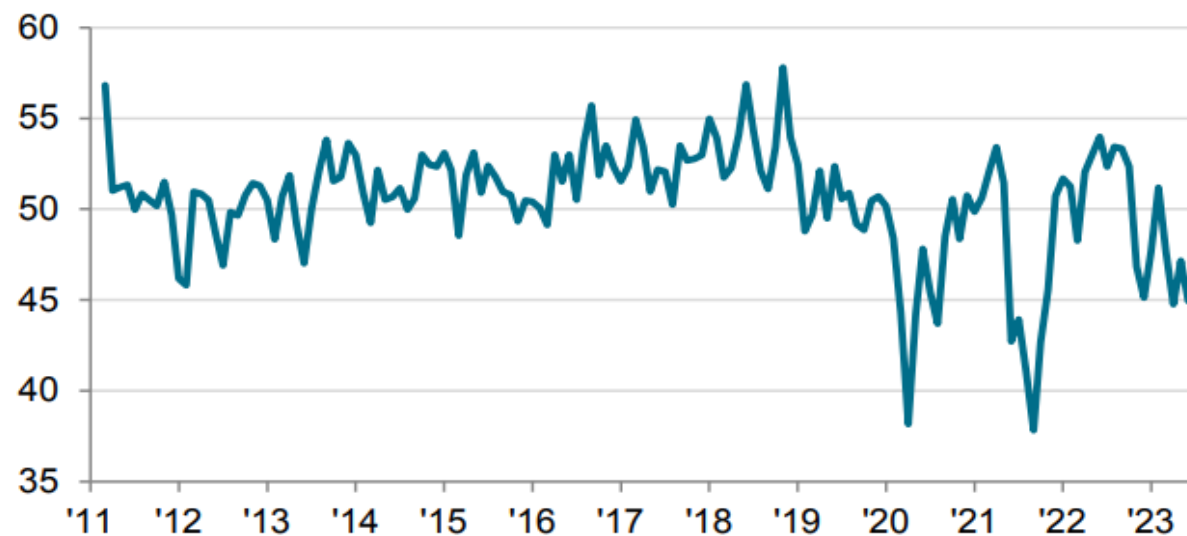
Nguồn: S&P Global PMI, SHS tổng hợp

Chỉ số PMI



PMI Chỉ số việc làm

Điều chỉnh theo mùa, >50 = tăng so với tháng trước



Nguồn: S&P Global PMI.

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM THÁNG 6

Sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn khi đơn hàng giảm, sức cầu yếu, chi phí đầu vào tăng cao

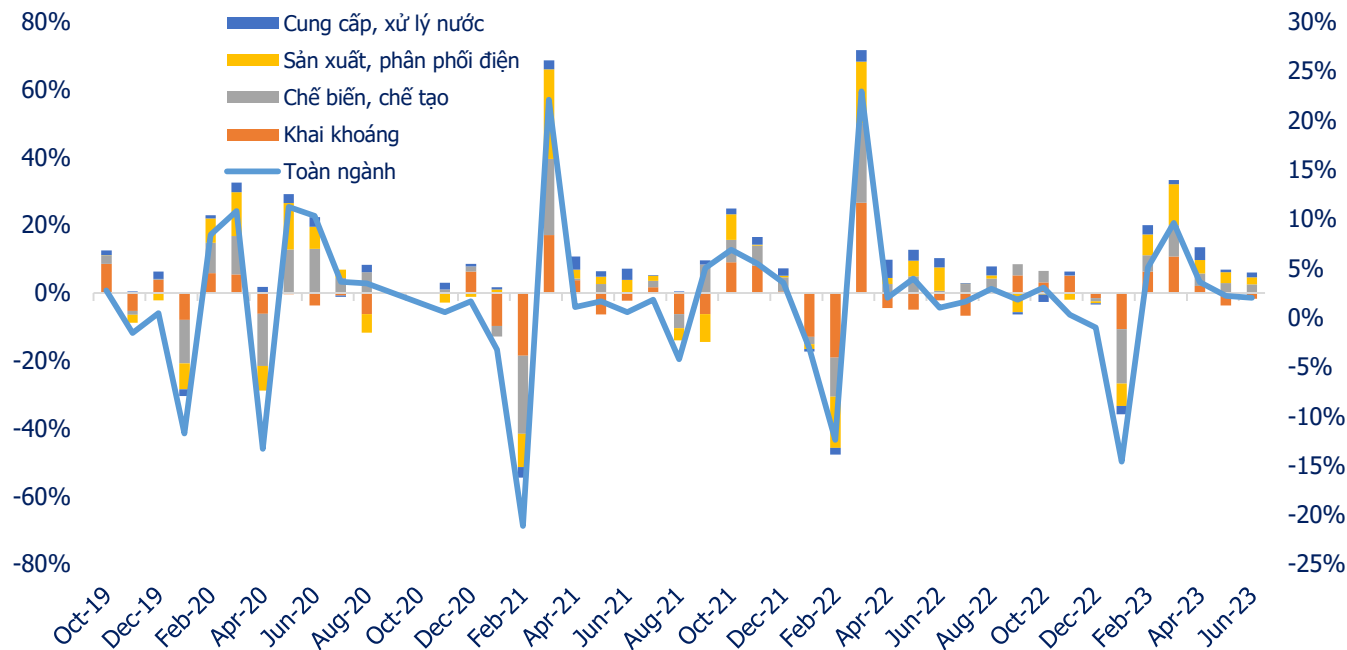
Với một nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu, đơn hàng sụt giảm dẫn đến sự thu hẹp sản xuất. Sản xuất công nghiệp đã có dấu hiệu chậm lại từ quý 4 năm ngoái.

Cụ thể, IIP toàn ngành giảm 1,15%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 1,62% do cầu thế giới sụt giảm đối với các ngành công nghiệp xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như điện tử, dệt may, đồ gỗ... Những khó khăn trong việc tìm kiếm đơn hàng và tiêu thụ sản phẩm trong nửa đầu năm 2023 đã khiến kim ngạch xuất khẩu nhóm ngành chế biến, chế tạo giảm mạnh. Theo thống kê từ Tổng cục Hải quan, 6 tháng đầu năm, giá trị những mặt hàng xuất khẩu chủ lực như: hàng dệt may giảm 15,4%; giày dép các loại giảm 16,8%; điện thoại các loại và linh kiện giảm 18,2%; gỗ và sản phẩm gỗ giảm 28,3%, phân bón các loại giảm 48,0%...

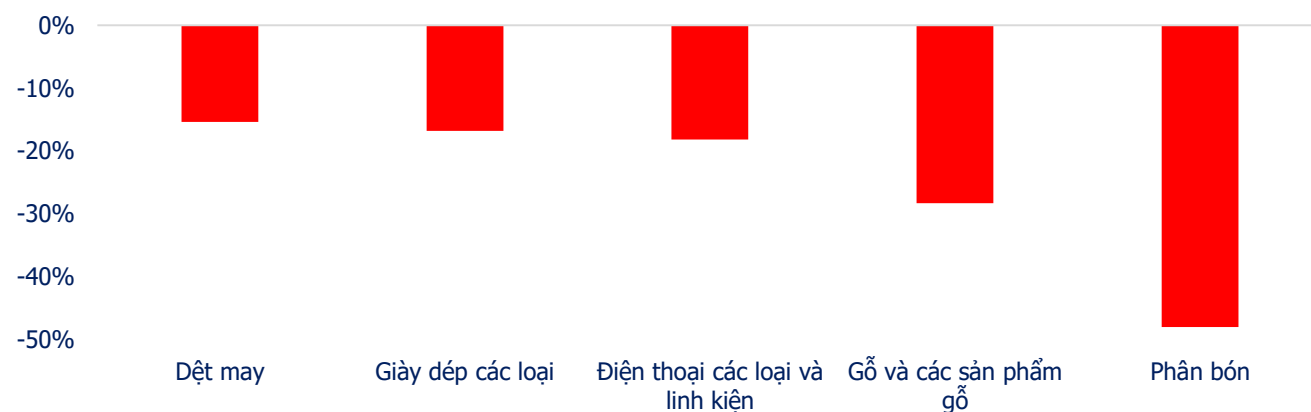
Điều này khiến giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chỉ tăng 0,44% svck, là mức tăng thấp nhất của cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2011-2023, chỉ đóng góp 0,15 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế.

Ngành khai khoáng cũng giảm 1,67% svck. Ngược lại, hoạt động sản xuất và phân phối điện tăng 1,52% và khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 5,55% svck.

Chỉ số sản xuất công nghiệp (%MoM)



Giá trị xuất khẩu các mặt hàng chủ lực 6T2023 svck





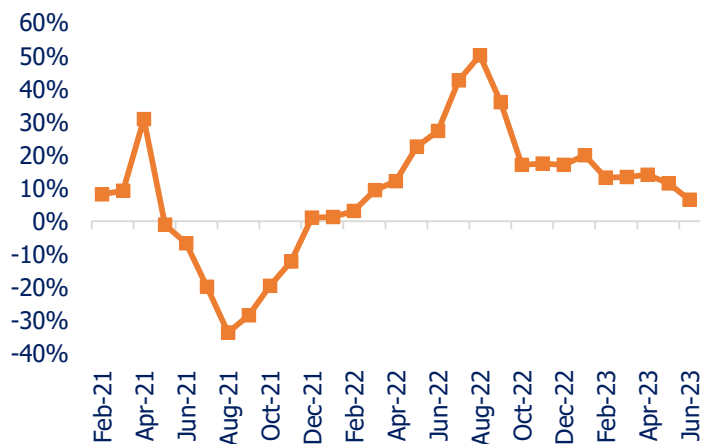
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Hoạt động thương mại và dịch vụ sôi động trở lại trong 6 tháng đầu năm. Theo Tổng cục thống kê, tổng mức bán lẻ hàng hóa (BLHH) và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 3.016,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu BLHH đạt 2.377,2 nghìn tỷ đồng (+9,3%); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 321,6 nghìn tỷ đồng (+18,7%), doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 14,4 nghìn tỷ đồng (+65,9%). Điểm khác biệt trong 6 tháng đầu năm nay so với năm trước là có sự đóng góp lớn của lĩnh vực lưu trú, ăn uống và du lịch lữ hành vào mức tăng trưởng chung với sự hồi phục mạnh mẽ của ngành du lịch.

Tỷ trọng doanh thu BLHH cũng đang dần quay trở lại mức trước khi xảy ra đại dịch Covid-19. Tỷ trọng doanh thu BLHH trước 2020 luôn quanh mức 75%. Tuy nhiên, trong khi xảy ra đại dịch, người dân chuyển các khoản chi tiêu không cần thiết sang hàng thiết yếu nhiều hơn, khiến tỷ trọng bán lẻ tăng lên mức cao 82,3% trong năm 2021. Tuy nhiên con số này đang dần dần quay lại mức bình thường trước đây, tỷ trọng doanh thu BLHH 6T2023 đang ở mức 78,8%.

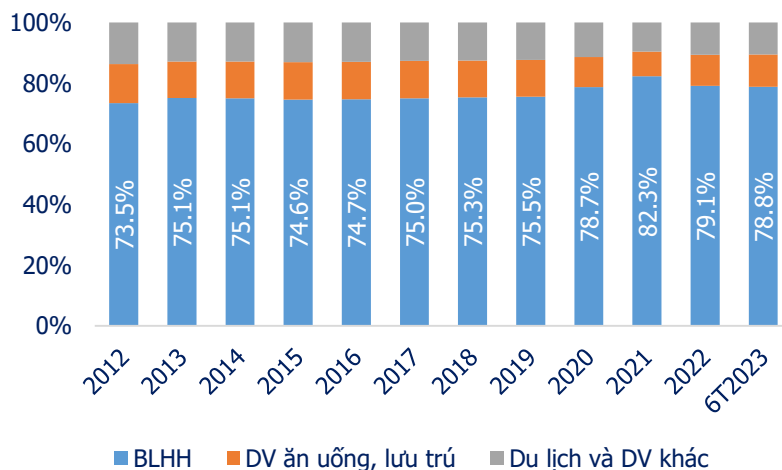
Thu nhập bình quân gia tăng là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng lĩnh vực bán lẻ. Thu nhập tăng cao hơn làm tăng thu nhập khả dụng, có tác động tích cực đến chi tiêu của các hộ gia đình. Cụ thể, thu nhập bình quân đầu người hàng tháng đã tăng trưởng ở mức CAGR 8,86% trong giai đoạn 2012-2022. Mức tăng trưởng này khá tương đồng với mức tăng trưởng bán lẻ (9,91%) trong cùng giai đoạn. Do đó, việc tăng lương cơ sở cho công chức, viên chức được áp dụng từ 1/7 năm nay có thể khiến người dân có xu hướng gia tăng các khoản chi tiêu.

Tăng trưởng bán lẻ (yoy)

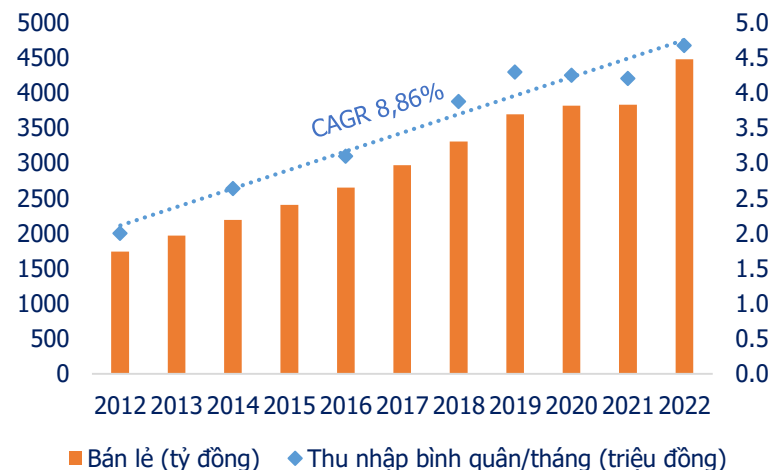


Nguồn: GSO, SHS tổng hợp

Tỷ trọng doanh thu



Thu nhập bình quân và doanh thu BLHH

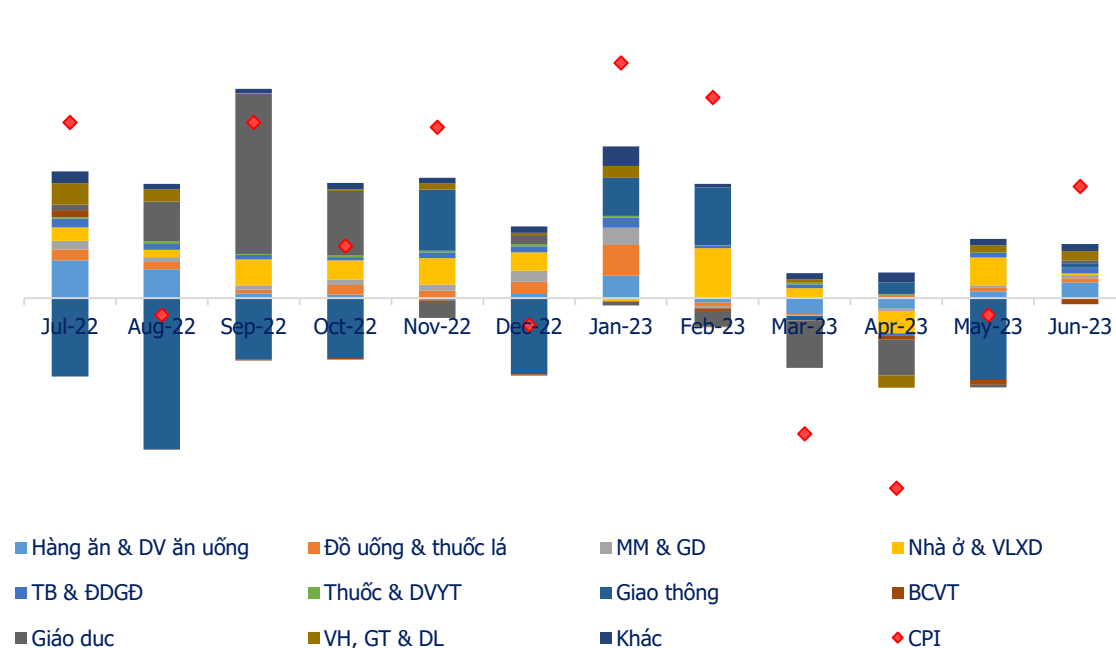


KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

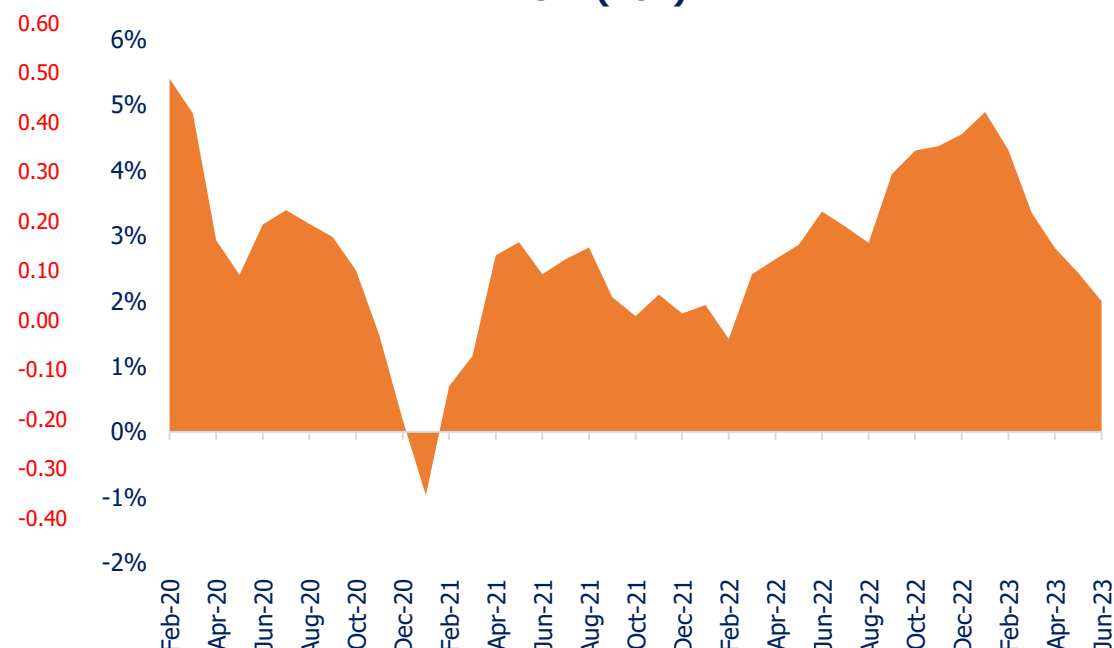
Giá điện và thực phẩm khiến CPI bật tăng vào cuối quý. Sau khi liên tiếp giảm trong tháng 3 và tháng 4, CPI tháng 05 tăng nhẹ 0,01% và tăng 0,27% trong tháng 06. Tuy nhiên nhìn chung so với cùng kỳ năm trước, CPI có xu hướng giảm dần trong 6 tháng đầu năm 2023 do giá các loại nguyên vật liệu hạ nhiệt (giá xăng dầu trong nước giảm làm cho chỉ số giá nhóm giao thông so với cùng kỳ liên tục giảm, từ mức -0,18% tháng 2/2023 lên tới -11,98% trong tháng 6/2023) mặc dù giá điện bán lẻ đã điều chỉnh tăng 3% áp dụng từ 4/5/2023.

Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI chung tăng 3,29% so với cùng kỳ. Lạm phát cơ bản tăng 4,74%, cao hơn mức CPI bình quân chung do giá xăng dầu trong nước 6 tháng đầu năm 2023 giảm 18,27% so với cùng kỳ, giá gas giảm 9,99% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Thay đổi CPI các tháng



CPI (YoY)



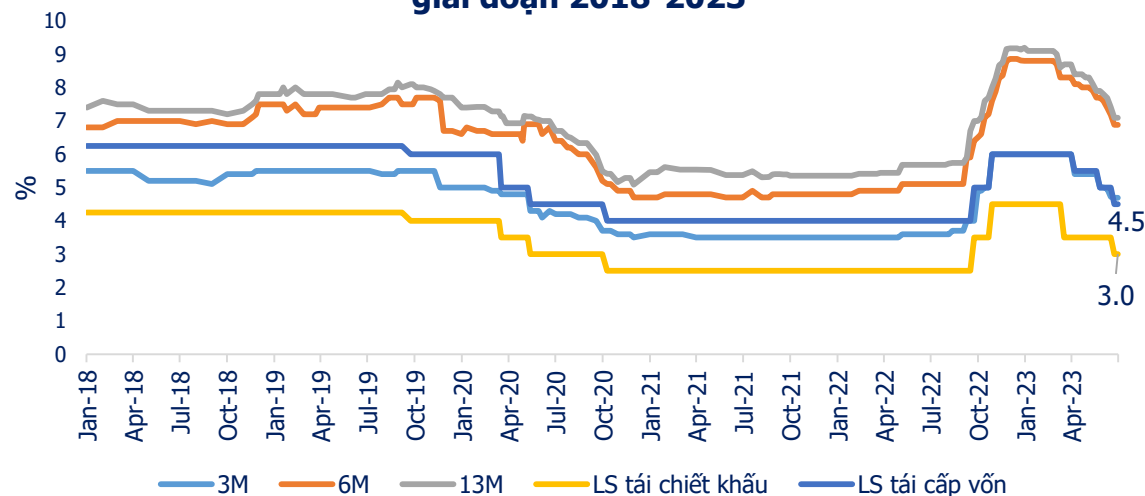
Nguồn: GSO, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

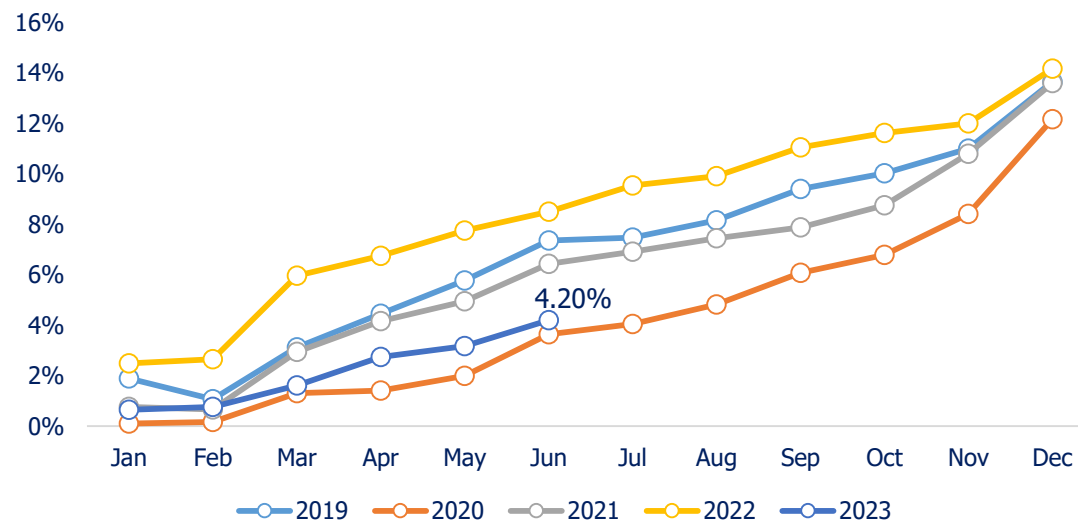
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

**Lãi suất điều hành và lãi suất huy động
giai đoạn 2018-2023**



Nguồn: Bloomberg, SBV, GSO, SHS tổng hợp

Tăng trưởng tín dụng YTD giai đoạn 2019-2023



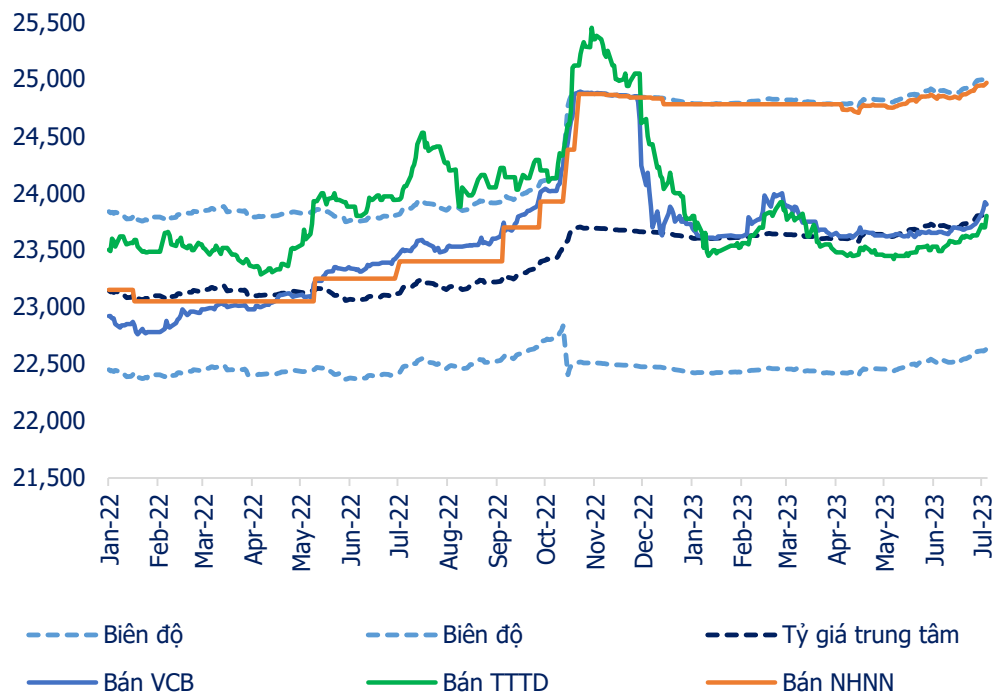
NHNN có lần giảm lãi suất thứ 4 trong tháng 6, ghi nhận 4 lần hạ lãi suất điều hành liên tiếp kể từ tháng 3/2023. Động thái giảm lãi suất của NHNN thể hiện quan điểm điều hành linh hoạt, chú trọng hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Tại thời điểm cuối tháng 6/2023, lãi suất tiền gửi tối đa đối với đồng VND kỳ hạn dưới 6 tháng là 4,75%, lãi suất huy động kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm chỉ còn trung bình khoảng 7%, lãi suất cho vay đối với khoản vay mới khoảng 9% đối với cá nhân. So với thời điểm đầu năm, lãi suất huy động bình quân giảm từ đã giảm khoảng 1,5%, lãi suất cho vay bình quân giảm khoảng 2% đối với khoản vay mới.

Thông tin tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 6/2023, dư nợ tín dụng đến cuối tháng 6 tăng 4,2%, tương đương 12.42 triệu tỷ đồng, tăng trưởng huy động 4,16%, tương đương 12.69 triệu tỷ đồng. Chênh lệch giữa huy động và cho vay toàn hệ thống Ngân hàng đã trở lại mức dương, thanh khoản toàn hệ thống dồi dào, lãi suất trên thị trường 2 giảm thấp. Lãi suất liên tiếp được điều chỉnh giảm, tuy nhiên tín dụng không tăng tương xứng do sức hấp thụ toàn nền kinh tế yếu, chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nền kinh tế toàn cầu. Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng 14-15% trong năm 2023, dư địa tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống còn rất lớn.

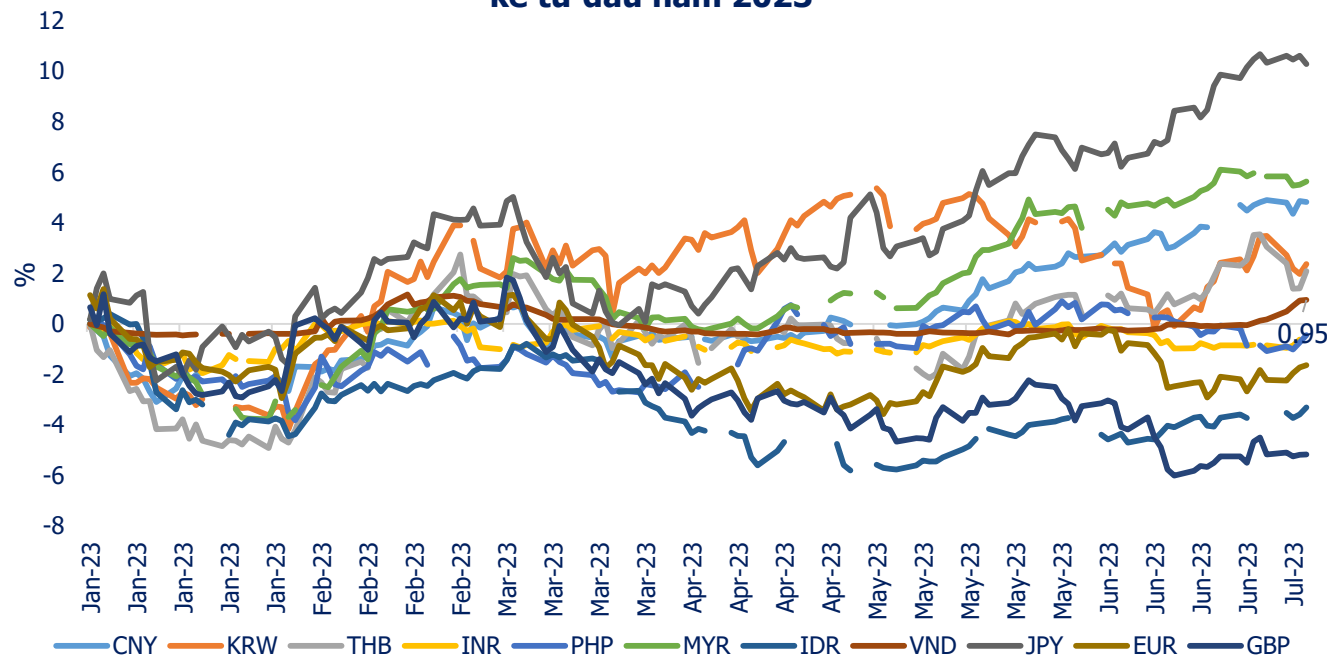
Động thái giảm lãi suất mạnh mẽ từ NHNN được hỗ trợ từ việc đồng VND có diễn biến ổn định từ đầu năm nhờ dòng vốn FII vào Việt Nam tăng mạnh. Trong nửa cuối năm, áp lực tỷ giá đang nóng lên sẽ là yếu tố NHNN cần cân nhắc trong việc điều hành lãi suất, đặc biệt khi FED phát ra tuyên bố có thể tiếp tục tăng lãi suất thêm 2 lần nữa, với tổng mức tăng 0,5%.

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Diễn biến tỷ giá VND/USD



Biến động Tỷ giá đồng USD so với một số đồng tiền trên Thế giới kể từ đầu năm 2023



Nguồn: Bloomberg, FiinGroup, SHS tổng hợp

Cùng với động thái giảm lãi suất điều hành vào ngày 16/6, NHNN đã điều chỉnh tăng khá mạnh tỷ giá trung tâm. Từ 16/6-30/6, tỷ giá trung tâm tăng thêm 89 VND, tương đương 0,38%. Giá bán USD tại VCB thời điểm đầu tháng 7/2023 đã cao hơn tỷ giá trung tâm và cao hơn tỷ giá thị trường tự do, thể hiện đánh giá của Ngân hàng về áp lực tỷ giá. Nhu cầu ngoại tệ phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu thường tăng trong nửa cuối năm có thể là yếu tố hệ thống Ngân hàng quan ngại. Tính từ đầu năm đến ngày 06/07/2023, đồng VND đã mất giá 0,95% so với đồng USD. Chênh lệch lãi suất VND và lãi suất USD kỳ hạn qua đêm trên thị trường liên ngân hàng hiện đã ở mức trên 4%, gây áp lực lớn đến tỷ giá trong nửa cuối năm.



Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

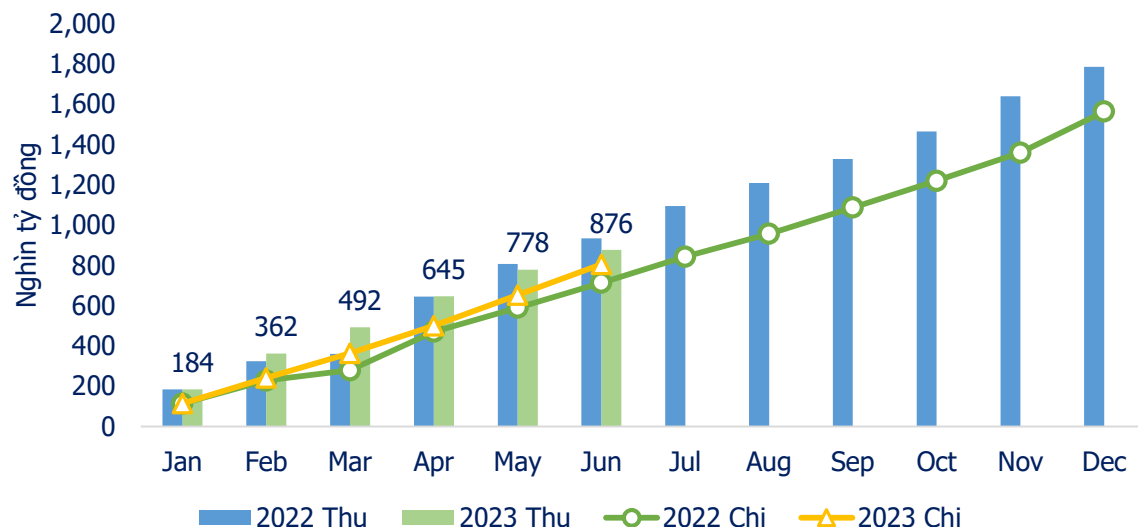
Tăng trưởng kinh tế yếu khiến thu ngân sách có tháng thứ 2 liên tiếp giảm so với cùng kỳ. Tháng 6/2023, thu NSNN ước đạt 93,5 nghìn tỷ đồng (-26% YoY), lũy kế 6 tháng đầu năm đạt 875,8 nghìn tỷ đồng (-7,8% YoY, bằng 54% dự toán năm). Chi NSNN tháng 6/2023 ước đạt 155,9 nghìn tỷ đồng, lũy kế 6 tháng đầu năm 2023 đạt 804,6 nghìn tỷ đồng (+12,2% YoY, bằng 38,8% dự toán năm). Tính chung 6 tháng đầu năm, NSNN vẫn bội thu 71,2 nghìn tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN tháng 6/2023 ước đạt 54,2 nghìn tỷ đồng, tăng 25% YoY. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ NSNN ước đạt hơn 232.2 nghìn tỷ đồng, bằng 33% kế hoạch năm và tăng 20,5% YoY. Chi đầu tư công vẫn là điểm sáng với mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ và đang có xu hướng tăng tốc, dù mới chỉ hoàn thành 1/3 kế hoạch năm.

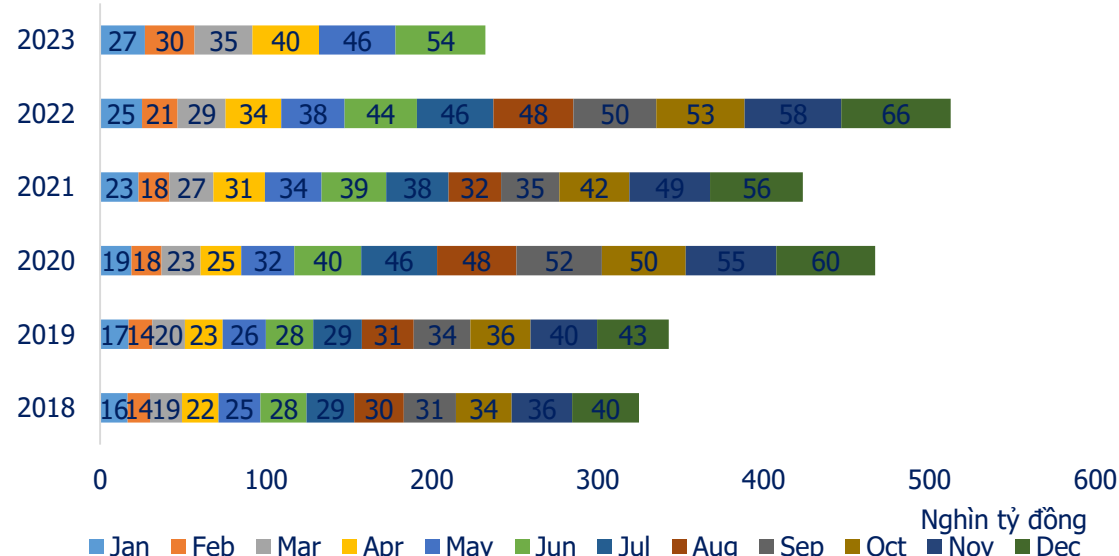
Đầu tư công được xác định là động lực có chính sách lan tỏa để giúp Việt Nam thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tại phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 6, Bộ Kế hoạch Đầu tư lạc quan vào khả năng hoàn thành mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công trong năm 2023.

Tình hình thu chi NSNN năm 2022-2023

Số liệu YTD



Đầu tư công từ NSNN hàng tháng



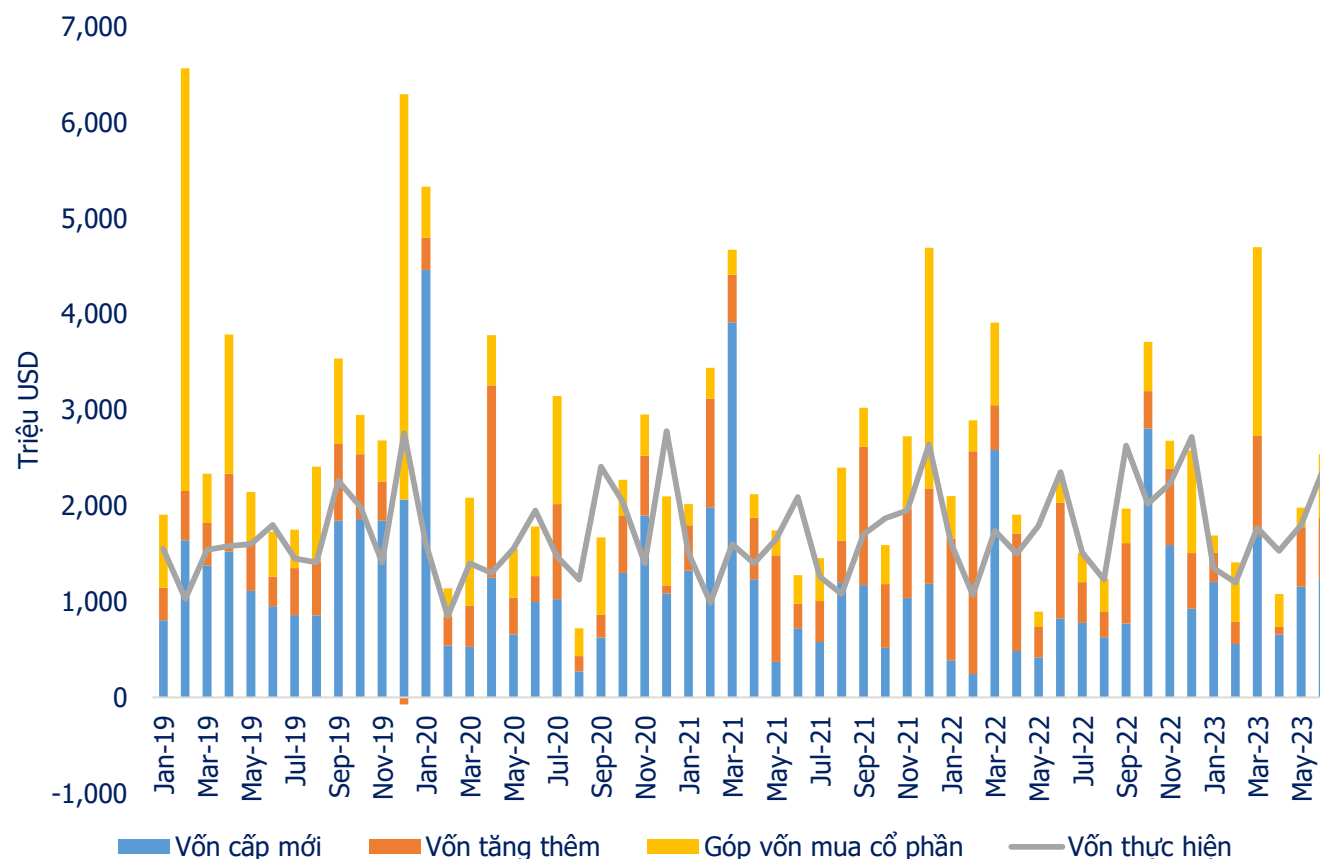
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2023 đạt 13,4 tỷ USD, giảm 4,3% YoY, trong đó vốn cấp mới đạt 6,496 tỷ USD (+31% YoY), vốn tăng thêm đạt 2,93 tỷ USD (-57% YoY), góp vốn mua cổ phần đạt 3,98 tỷ USD (+75% YoY). Mức giảm của vốn FDI đăng ký 6 tháng đầu năm tiếp tục cải thiện nhờ dòng vốn đầu tư mới và góp vốn mua cổ phần tăng mạnh hơn so với cùng kỳ.

Vốn đầu tư thực hiện là điểm sáng trong tháng 6 khi đạt 2,37 tỷ USD, cao nhất kể từ đầu năm. Trong đó dự án của Công ty LG Innotek sản xuất mô-đun camera xuất khẩu đã điều chỉnh tăng vốn đầu tư giai đoạn 2023 - 2025 thêm 1 tỷ USD, nâng tổng vốn đầu tư của dự án lên 2 tỷ USD. Vốn thực hiện 6 tháng đầu năm đạt 10,02 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ.

Việc vốn cấp mới và góp vốn mua cổ phần tăng trưởng khá so với cùng kỳ vẫn cho tín hiệu tích cực về dòng vốn đầu tư vào Việt Nam trong bối cảnh dòng vốn đầu tư toàn cầu có xu hướng thu hẹp hiện nay. Trong tháng 6/2023, Tổng thống Hàn Quốc đã thăm chính thức Việt Nam, ký Thỏa thuận hợp tác Quỹ xúc tiến kinh tế Hàn Quốc (EDPF) trị giá 2 tỷ USD để triển khai các dự án đầu tư phát triển có quy mô lớn trong lĩnh vực giao thông, hạ tầng đô thị của Việt Nam.

Vốn FDI đăng ký và giải ngân theo tháng



Nguồn: GSO, OECD, SHS tổng hợp

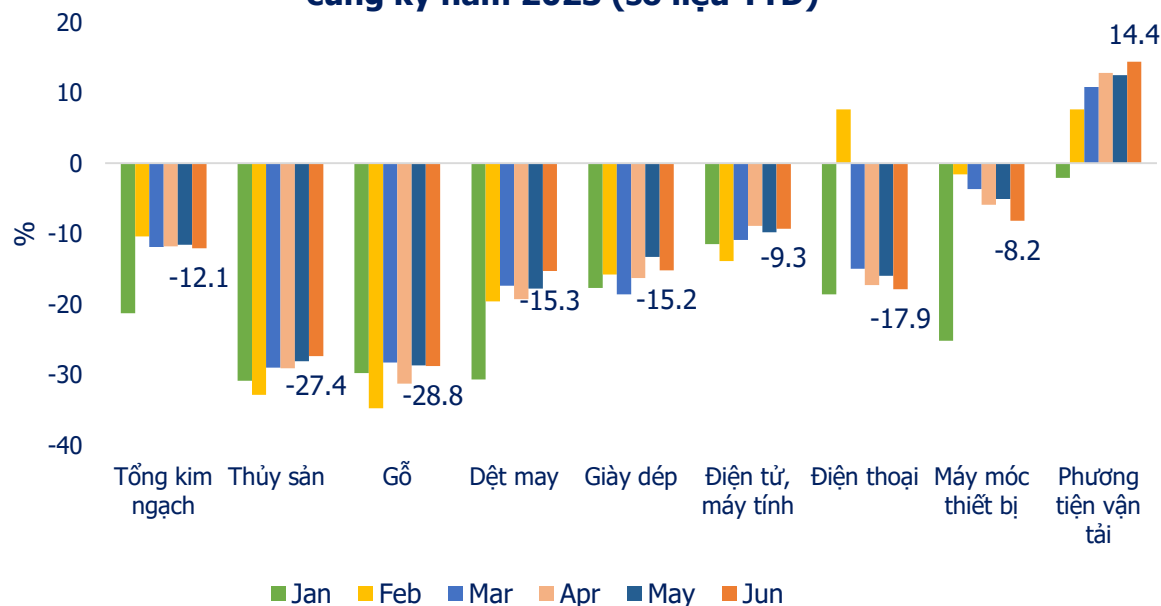
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6/2023 ước đạt 29,3 tỷ USD, tăng 4,5% MoM, giảm 11,4% YoY. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 164,45 tỷ USD, giảm 12,1% YoY. Mức độ giảm tổng kim ngạch xuất khẩu chưa có sự cải thiện, tuy nhiên tín hiệu phục hồi bước đầu xuất hiện tại một số mặt hàng như dệt may, thủy sản, điện tử máy tính với mức giảm nhẹ hơn so với cùng kỳ.

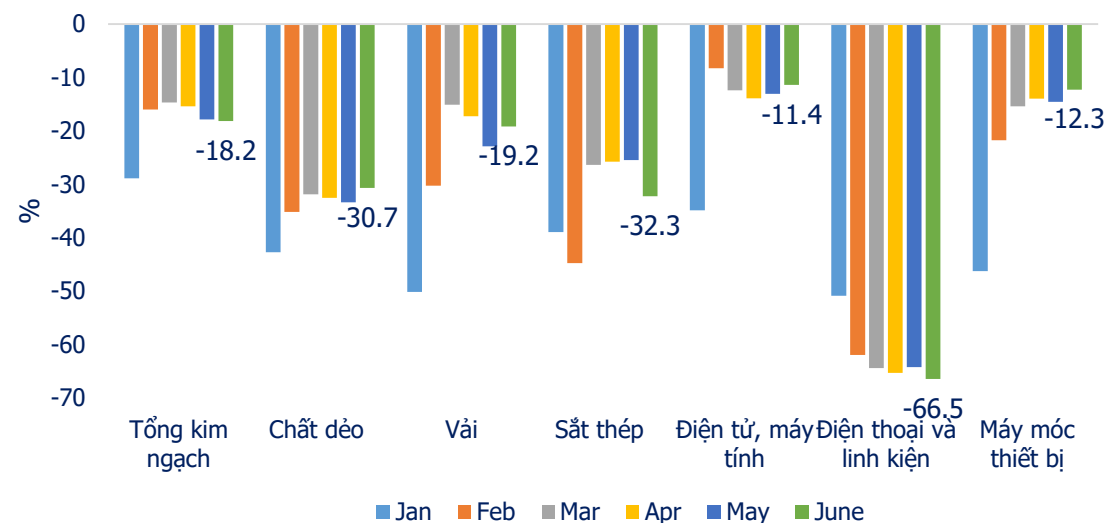
Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2023 ước đạt 26,71 tỷ USD, tăng 2,6% MoM, giảm 16,9% YoY. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 152,2 tỷ USD, giảm 18,2% YoY. Kim ngạch nhập khẩu có cải thiện ở sản phẩm máy móc thiết bị, điện tử máy tính và linh kiện với tốc độ giảm chậm lại qua từng tháng. Kim ngạch xuất khẩu điện tử máy tính trong tháng 6 chỉ còn giảm 0,5% YoY, của máy móc thiết bị là 9,6% YoY. Kim ngạch nhập khẩu có xu hướng tăng theo tháng, tuy nhiên nhìn chung mức độ cải thiện còn hạn chế.

Cán cân thương mại hàng hóa tháng Sáu ước tính xuất siêu 2,59 tỷ USD. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 1,2 tỷ USD).

Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ năm 2023 (số liệu YTD)



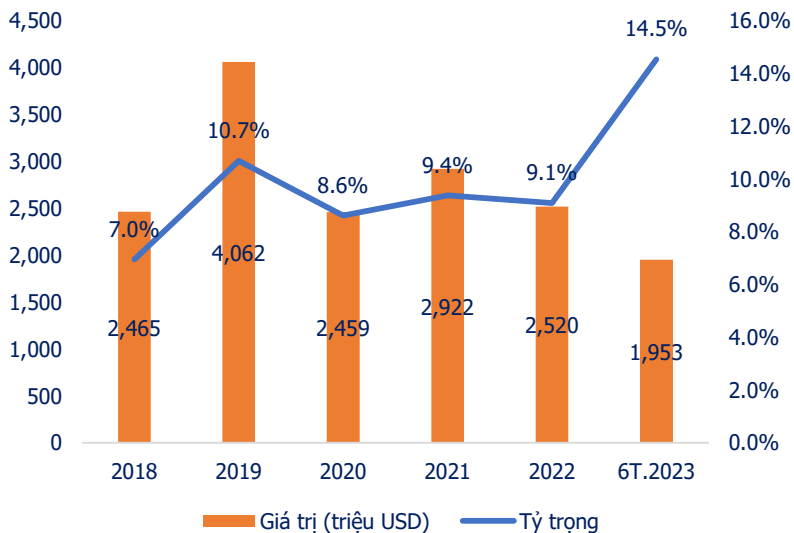
Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng chủ lực so với cùng kỳ (số liệu YTD)



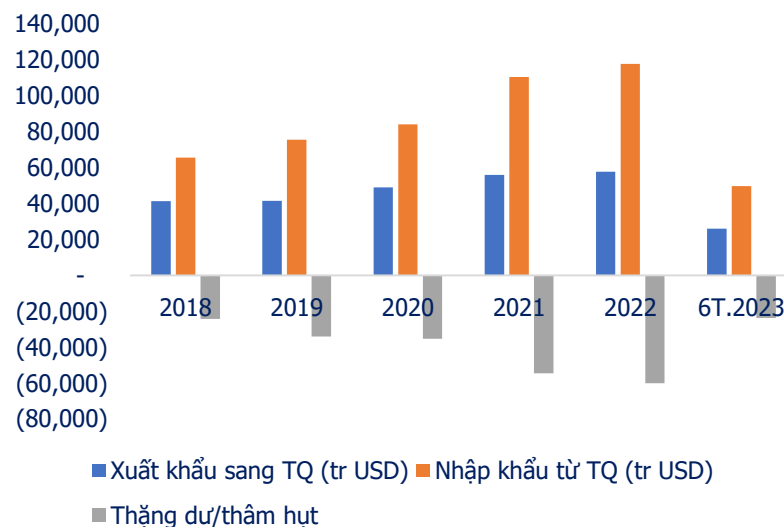
KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 75,5 tỷ USD, -13,4% YoY trong đó xuất khẩu giảm 2% còn nhập khẩu giảm 18%. Lượng khách du lịch từ Trung Quốc bắt đầu tăng từ tháng 3 sau khi mở cửa cho khách quốc tế và tăng dần qua từng tháng. Tính chung 6 tháng, khách Trung Quốc đạt 557,2 nghìn lượt, gấp 4,3 lần tổng số lượng của 2 năm dịch 2021-2022 tuy vậy mới chỉ tương đương 58% số của năm 2020 và 10% so với trước dịch (năm 2019 đạt 5,8 triệu lượt). Số lượng dự án FDI đăng ký mới từ Trung Quốc dẫn đầu (chiếm 18%), xếp thứ 3 về giá trị (1,95 tỷ USD, tăng tới 53,5% so cùng kỳ 2022).

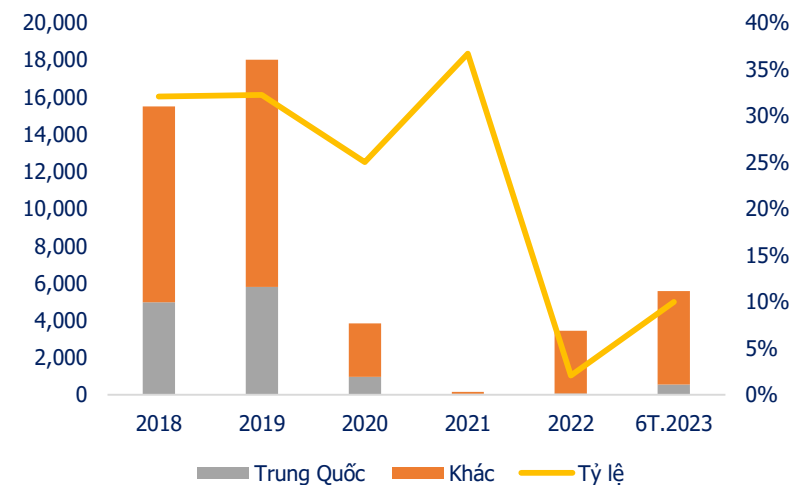
FDI từ Trung Quốc



XNK Việt Nam - Trung Quốc



Số lượng khách du lịch quốc tế (nghìn lượt)



Nguồn: GSO, Bloomberg, SHS tổng hợp



Biến cơ hội thành giá trị

KINH TẾ VĨ MÔ THÁNG 6

Chỉ tiêu	Jul-22	Aug-22	Sep-22	Oct-22	Nov-22	Dec-22	Jan-23	Feb-23	Mar-23	Apr-23	May-23	Jun-23
Chỉ số kinh tế												
Chỉ số sản xuất công nghiệp (hàng tháng, % YoY)	11.2%	15.6%	13.0%	6.3%	3.5%	0.2%	-8.0%	3.6%	-1.6%	0.50%	0.10%	2.80%
PMI (điểm)	51.2	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3	46.2
Tăng trưởng bán lẻ (lũy kế, %YoY)	16%	19.30%	21%	20.20%	20.50%	19.80%	20%	13%	13.90%	12.80%	12.60%	10.90%
FDI giải ngân (lũy kế, % YoY)	10.2%	10.50%	16.30%	15.20%	15.10%	13.50%	-16.30%	-4.90%	-2.30%	-1.20%	-0.80%	0.50%
FDI đăng ký (lũy kế, % YoY)	-7.10%	-12.30%	-15.30%	-5.40%	-5.00%	-11%	-19.80%	-38%	7.40%	-17.90%	-7.30%	-4.30%
Tăng trưởng xuất khẩu (lũy kế, %YoY)	16.10%	17.30%	17.30%	15.90%	13.40%	10.60%	-21.30%	-10.40%	-11.90%	-11.80%	-11.60%	-12.10%
Tăng trưởng nhập khẩu (lũy kế, % YoY)	13.60%	13.60%	13%	12.20%	10.10%	8.40%	-28.90%	-16%	-14.70%	-15.40%	-17.90%	-18.20%
Cán cân thương mại (hàng tháng, tỷ USD)	0.02	2.42	1.14	2.27	0.78	0.5	0.52	2.30	0.65	1.51	2.24	2.59
Ổn định vĩ mô												
Lạm phát (% YoY)	3.14%	2.89%	3.94%	4.30%	4.37%	4.55%	4.89%	4.31%	3.4%	2.81%	2.43%	2%
Lạm phát cơ bản (BQ YTD % YoY)	1.44%	1.64%	1.88%	2.14%	2.38%	2.59%	5.21%	5.08%	5.0%	4.90%	4.83%	4.74%
Tăng trưởng tín dụng (% YTD)	9.42%	9.91%	10.54%	11.38%	11.50%	14.50%	0.65%	0.77%	1.6%	3.03%	3.17%	4.20%
Tăng trưởng cung tiền M2 (% YTD)	3.18%	2.68%	3.21%	3.08%	3.55%	6.15%	0.79%	0.32%	0.57%	1.71%		
Lãi suất tái cấp vốn (%)	4%	4%	5%	6%	6%	6%	6%	6%	5.5%	5.5%	5%	4.50%
Lãi suất tái chiết khấu (%)	2.5%	2.5%	3.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	4.50%	3.5%	3.5%	3.50%	3.00%
Lãi suất liên ngân hàng ON (%)	3.32%	4.75%	4.73%	5.05%	4.57%	4.55%	5.90%	5.20%	1.0%	4.41%	3.68%	0.33%
Lợi suất trái phiếu 10 năm (%)	3.90%	3.62%	4.97%	5.10%	5.15%	4.95%	4.40%	4.40%	3.5%	3.33%	3.28%	2.70%
CDS 5 năm	143.93	147.78	186.35	162.8	148.55	140.12	125.62	118.37	134.4	133.85	124.91	120.18
VND/USD (% MoM)	0.3%	0.46%	1.73%	4.09%	-0.60%	-4.30%	-0.80%	1.50%	-1.35%	-0.05%	0.10%	0.36%



TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP THÁNG 6

Biến cơ hội thành giá trị

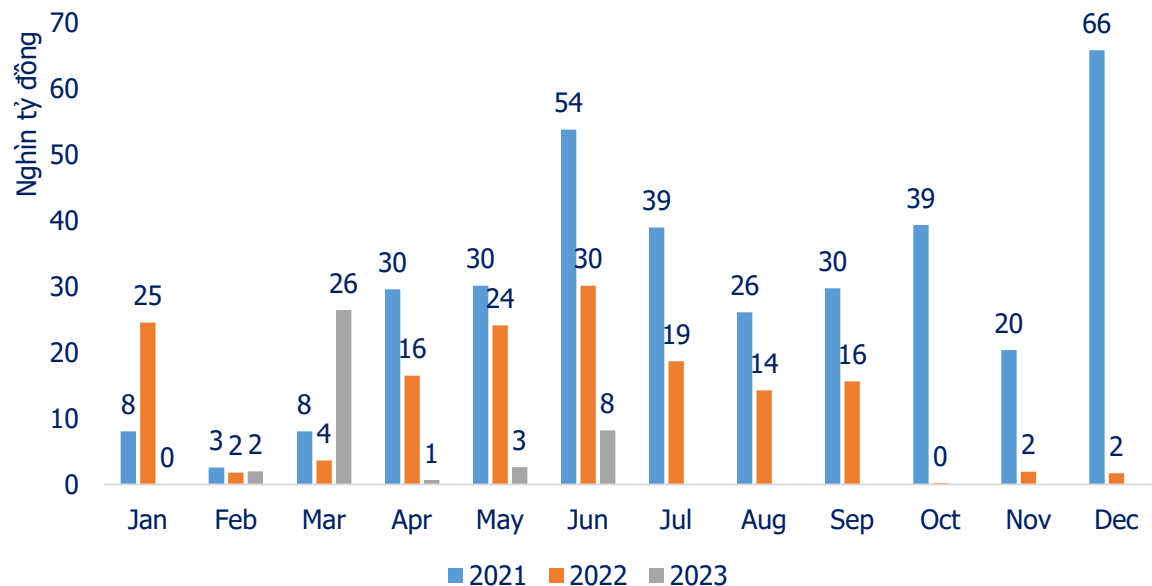
Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp có cải thiện trong tháng 6 với 13 đợt phát hành TPDN riêng lẻ được ghi nhận, tổng giá trị phát hành 8.170 tỷ đồng (trong đó nhóm doanh nghiệp Bất động sản huy động 3.880 tỷ đồng, nhóm ngân hàng huy động 2.890 tỷ đồng). Lũy kế từ đầu năm, tổng giá trị phát hành TPDN được ghi nhận là 42.783 tỷ đồng, với 7 đợt phát hành ra công chúng trị giá 5.521 tỷ đồng và 35 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 37.262 tỷ đồng.

Trong tháng 6, các doanh nghiệp đã thực hiện mua lại 31.591 nghìn tỷ đồng trái phiếu, 6 tháng đầu năm đã mua 110.448 tỷ đồng trái phiếu (+39% YoY).

Trong 6 tháng cuối năm 2023, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là VND 158.500 tỷ đồng. Phần lớn giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với 80.952 tỷ đồng, chiếm 51%, theo sau là nhóm Ngân hàng với 27.261 tỷ đồng, chiếm 17.2%.

Ngày 17/5/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 30/2023/TT-BTC hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước, hiệu lực từ 1/7/2023. Quy định mới được kỳ vọng sẽ giúp tăng thanh khoản cho thị trường trái phiếu riêng lẻ thứ cấp, đồng thời tăng tính minh bạch và chuẩn hóa của thị trường này.

Giá trị phát hành TPDN trong nước giai đoạn 2021-2023



Giá trị Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn 2023 - 2024



The background is a blue-toned image featuring a financial chart with multiple upward-pointing arrows of varying heights and widths, suggesting growth. A silver fountain pen is positioned diagonally across the right side of the image, pointing towards the top right. The overall aesthetic is professional and business-oriented.

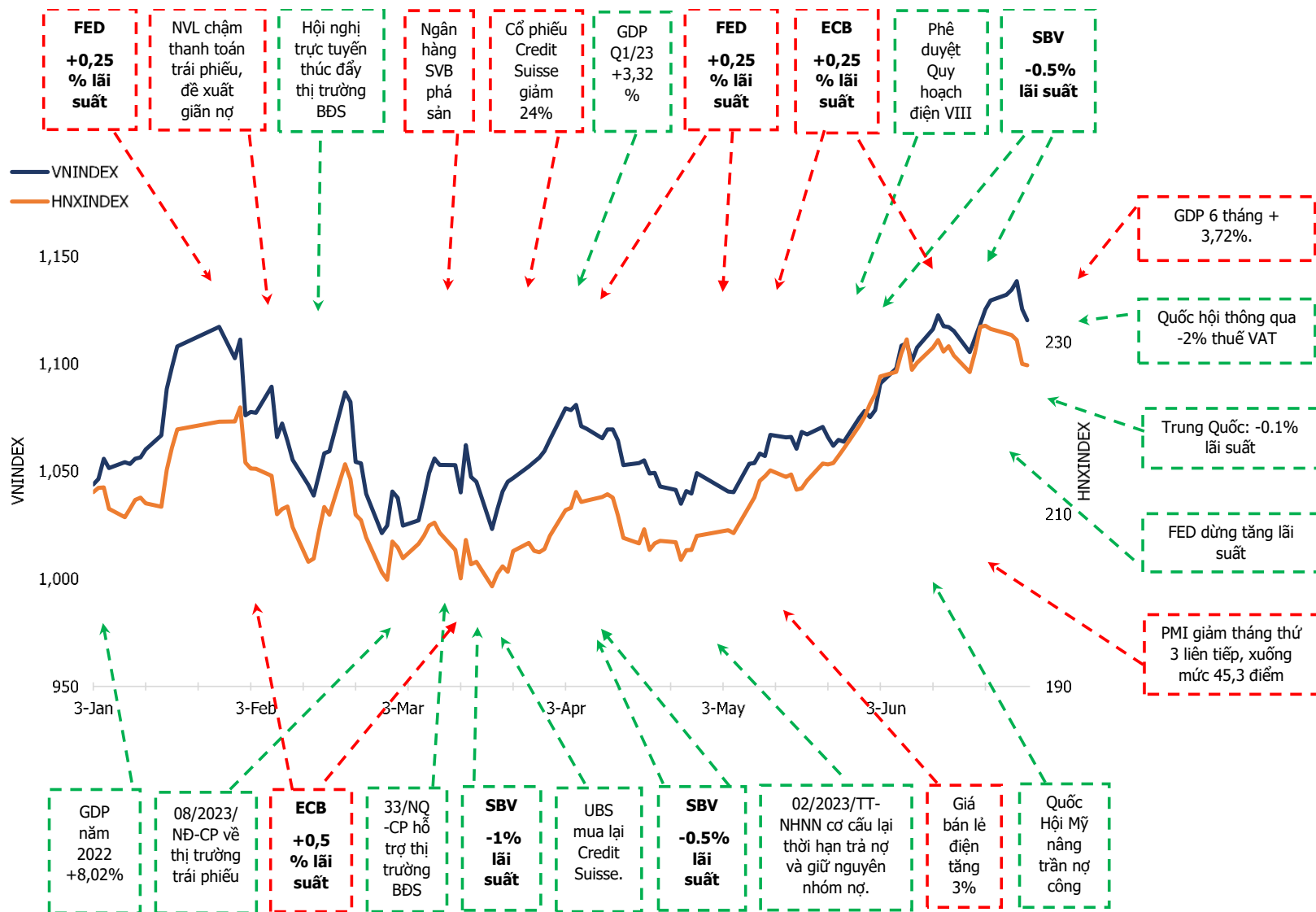
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

TTCK tăng trưởng từ nền thấp trong bối cảnh kinh tế vĩ mô kém khả quan.

VN-INDEX tăng 5,22% trong Q2 và có 2 quý tăng liên tiếp, kết thúc tháng 6/2023 ở mức 1.120,18 điểm, tương ứng mức tăng 11,2% so với cuối năm 2022.

Mức tăng giá đến từ nền giá thấp sau giai đoạn giảm giá mạnh năm 2022 và từ các kỳ vọng đến từ nhiều giải pháp hỗ trợ nền kinh tế, doanh nghiệp của Chính phủ như: Ngân hàng Nhà nước lần thứ 4 liên tiếp hạ các mức lãi suất điều hành; Tăng cường giải ngân đầu tư công; Quốc hội thông qua Luật Đầu thầu và cho ý kiến về Luật Đất đai, Luật Nhà, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật các Tổ chức tín dụng; Giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT); Nghị định 08 về thị trường trái phiếu; Thông tư 02 về cơ cấu thời hạn trả nợ; Các giải pháp tháo gỡ khó khăn chính sách của các dự án bất động sản tại nhiều địa phương; Triển khai gói tín dụng 120.000 tỷ cho nhà ở xã hội...

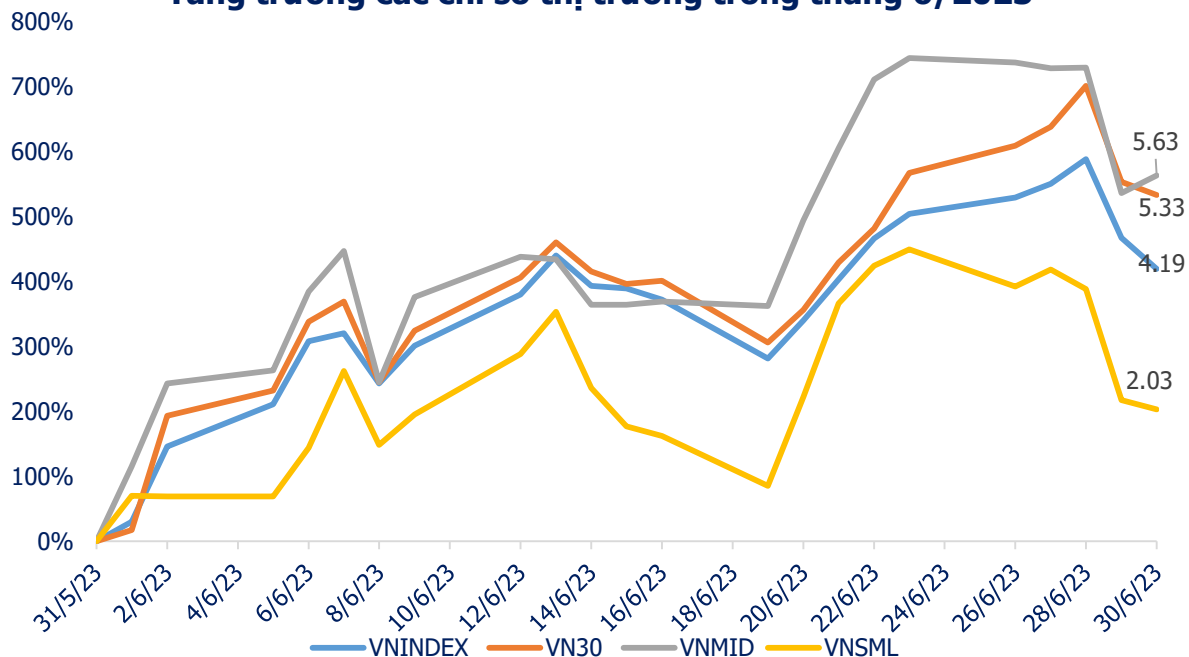


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

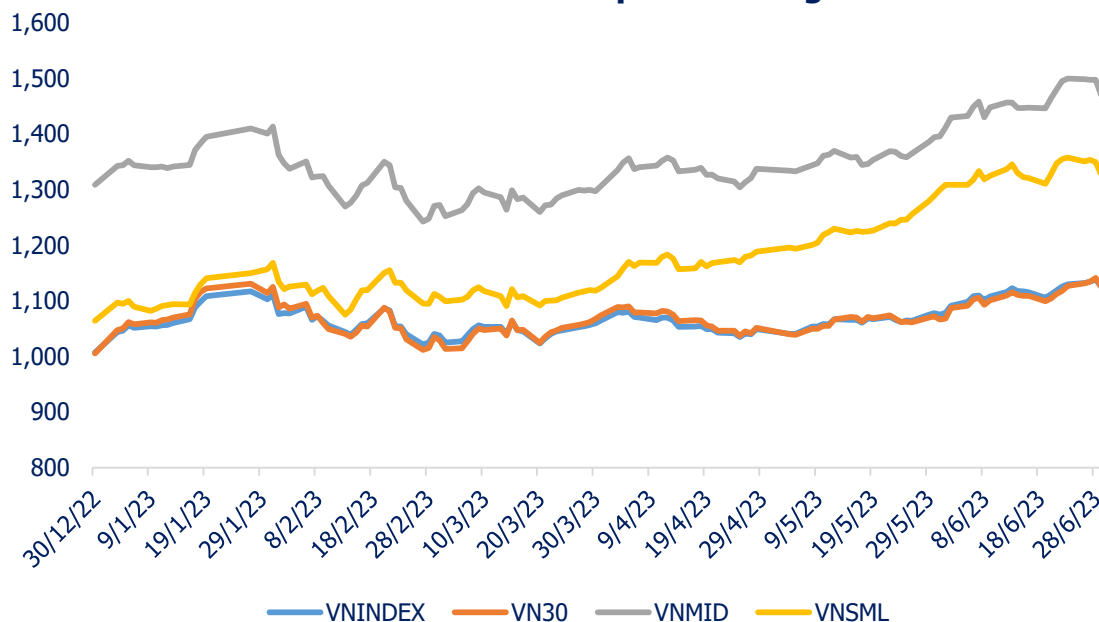
Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn VN30 thể hiện vai trò dẫn dắt thị trường trong tháng 06. Như kỳ vọng ở báo cáo tháng 05, nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chỉ số VN30 đã có diễn biến tích cực trong tháng 6, mức tăng tốt 5,33% với thanh khoản cải thiện mạnh. Bên cạnh đó nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình VNMID duy trì đà tăng tích cực trong 03 tuần đầu tháng 6, sau đó đi ngang và chịu áp lực bán trong tuần cuối Q2. Tổng kết trong tháng 6, nhóm VNMID vẫn có mức tăng tốt, vượt trội so với thị trường chung khi tăng 5,63% so với tháng 5. Trong khi nhóm vốn hóa nhỏ, VNSML có diễn biến kém tích cực hơn, biến động mạnh trong tháng 6 dưới áp lực bán ngắn hạn gia tăng và chỉ tăng 2,03% so với tháng 5/2023.

Kết thúc 06 tháng đầu năm 2023, chỉ số VN-INDEX duy trì lạc quan khi tiếp tục phục hồi tốt, tăng 11,2% so với vùng giá cuối năm 2022, duy trì 02 quý liên tiếp tăng giá. Chưa thể sớm kỳ vọng VNINDEX sẽ có quý tiếp theo tăng điểm tích cực, do ngoại trừ năm đại dịch 2019 thì các lần giảm mạnh trung dài hạn trước đây như 2003-2004, 2009, 2012-2013 thì sau 02 quý liên tiếp phục hồi tăng điểm, quý thứ 3 sẽ là tích lũy.

Tăng trưởng các chỉ số thị trường trong tháng 6/2023



Diễn biến TTCK Việt Nam trong năm 2023

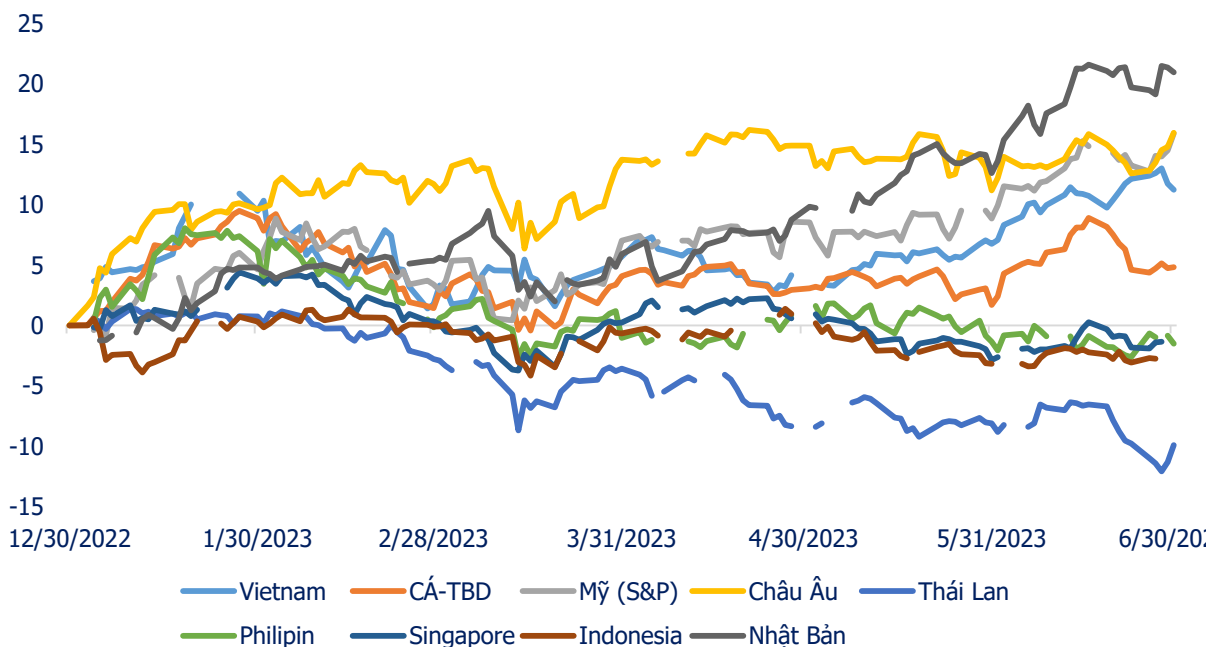


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

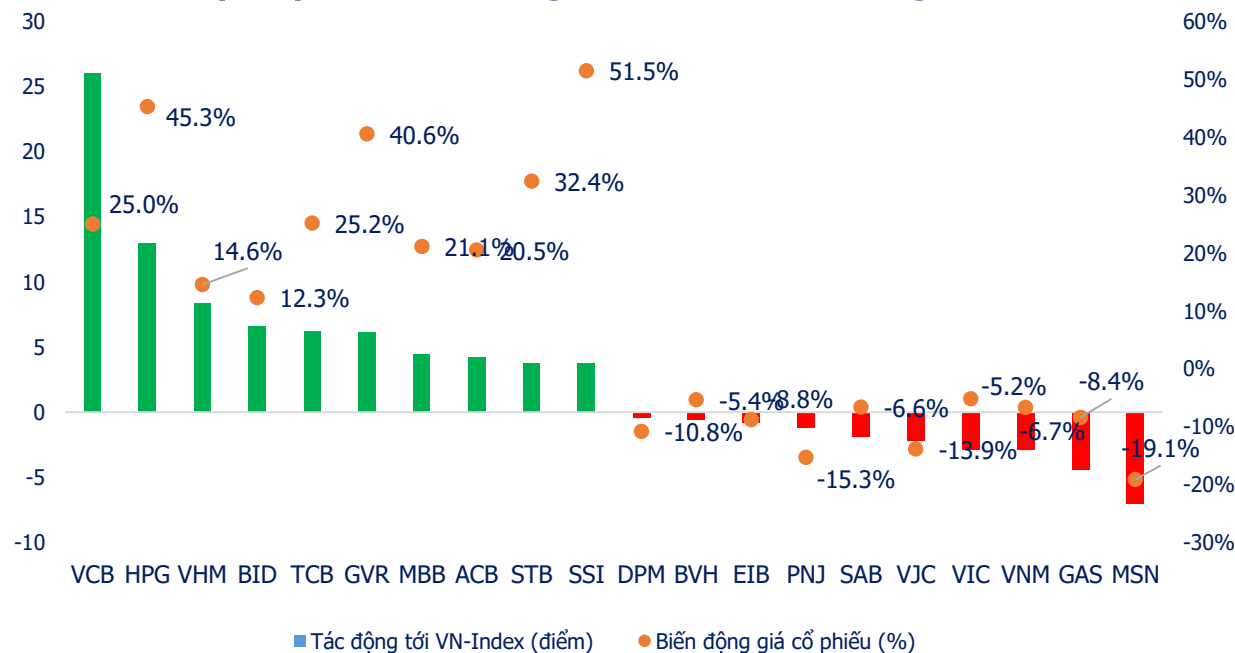
HPG (+23,4%) dưới ảnh hưởng mua ròng liên tục của nhà đầu tư nước ngoài cùng với những kỳ vọng phục hồi kinh doanh đã tăng giá tốt, ảnh hưởng tích cực nhất lên VN-INDEX trong tháng 6 và cũng là mã có tác động tốt tới chỉ số trong 6 tháng, chỉ đứng sau VCB (+6,4% MoM và +25% Ytd, vượt đỉnh lịch sử). Trong khi đó VIC (-1,9%) là mã tác động tiêu cực trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm, ngoài ra cũng phải kể tới một số mã ngành tiêu dung như MSN (-19,1% Ytd), VNM (-6,7% Ytd mặc dù có phiên khối lượng khớp lệnh cao nhất lịch sử và tăng 7,4% trong tháng 6), SAB (-1,1% MoM và -6,6% Ytd)

Với đà phục hồi được duy trì tốt trong tháng 6, Việt Nam là thị trường chứng khoán tích cực nhất khu vực Đông Nam Á trong 6 tháng và chỉ kém chỉ số đại diện của thị trường Nhật (+20,9%), Mỹ (+15,9%), Châu Âu (+15,9%), .

Tăng trưởng chỉ số chứng khoán thế giới 6 tháng 2023 (%)



Top cổ phiếu ảnh hưởng đến VN-Index 6 tháng 2023

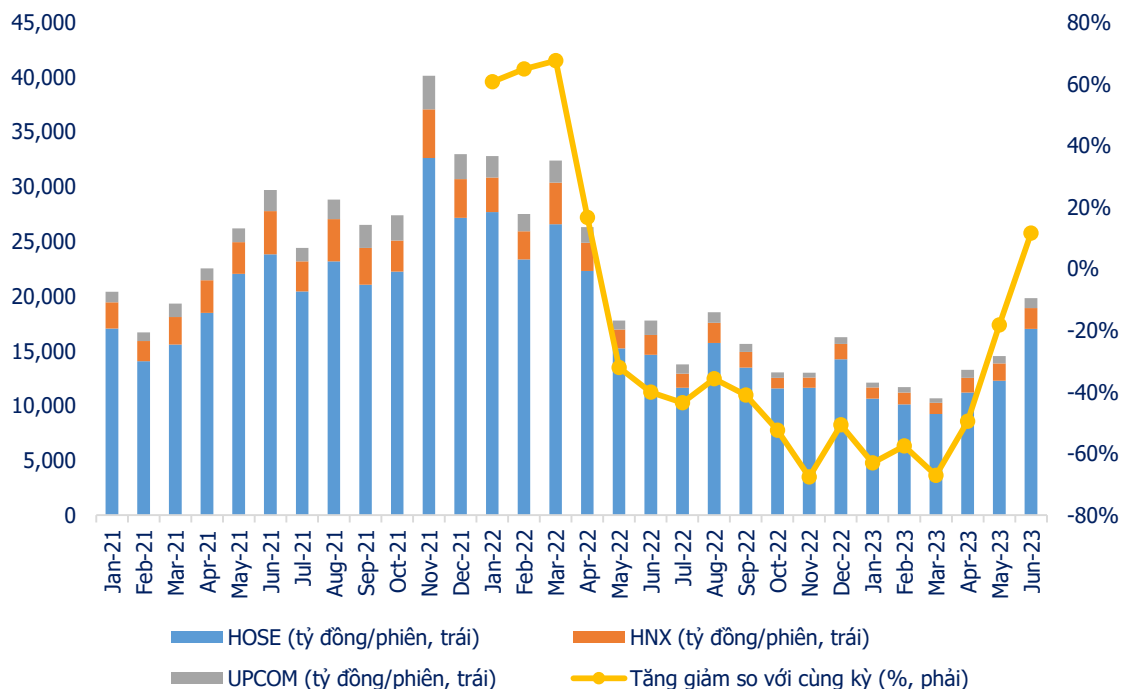


Nguồn: Fiingroup, SHS Research

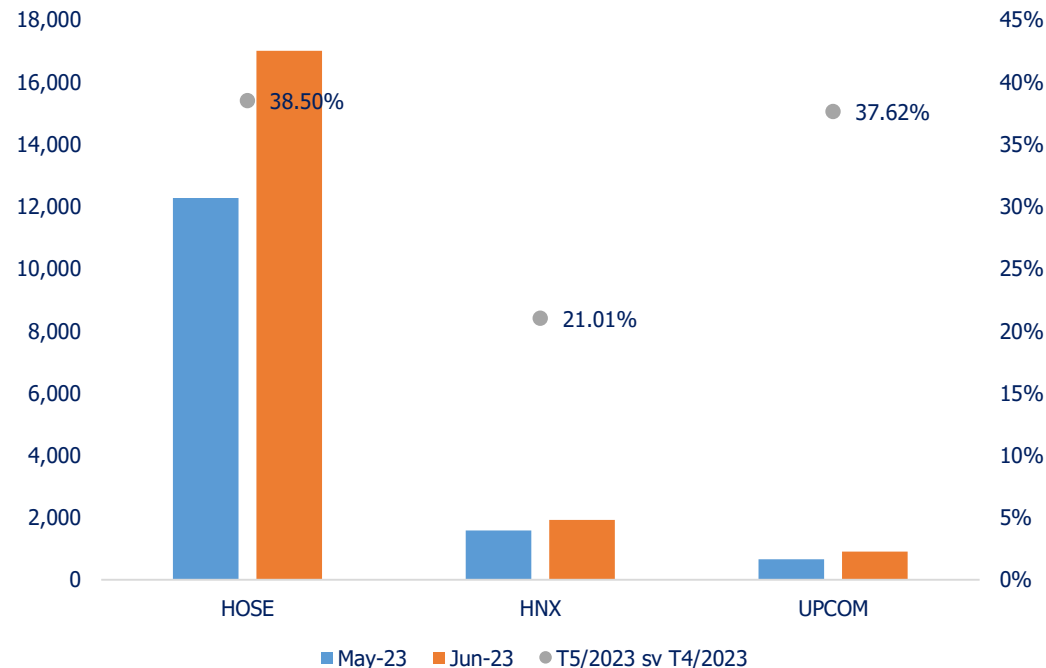
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Thanh khoản cải thiện tháng thứ 3 liên tiếp, cao nhất 12 tháng. Giá trị giao dịch trung bình cả 3 sàn tháng 6/2023 đạt 19.830,28 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh 36,55% so với tháng 05/2023. Đây là mức thanh khoản trung bình cao nhất tính từ tháng 05/2022 đến nay. Trong đó tại sàn HOSE đạt 17.001,48 tỷ đồng/phiên (+38,50% MoM), tại HNX là 1.919,32 tỷ đồng (+21,01% MoM) và Upcom là 909,48 tỷ đồng/phiên (37,62% MoM). Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, GTGD bình quân 3 sàn đạt 13.724 tỷ đồng, giảm 47% so với cùng kỳ năm 2022.

GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)

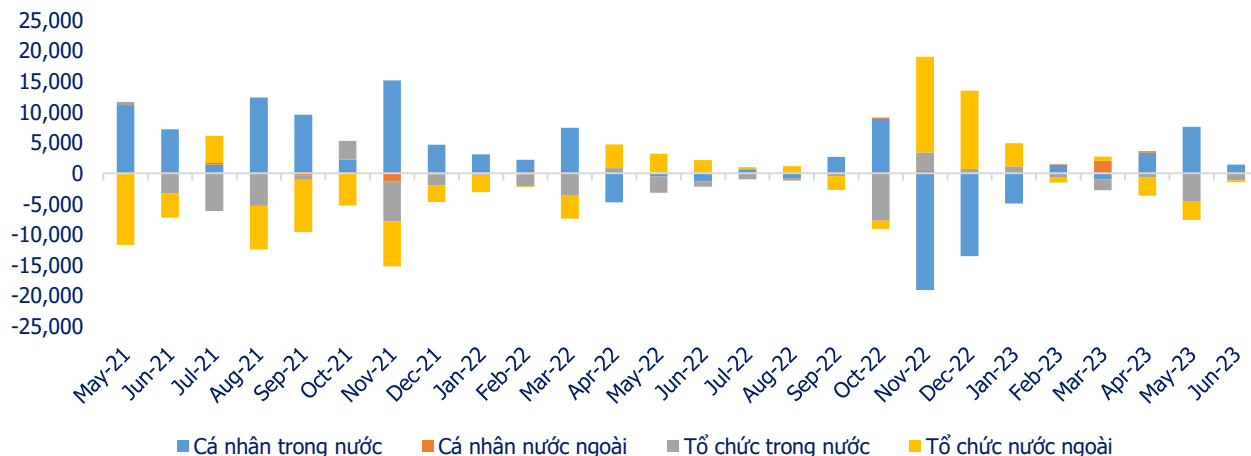


GTGD trung bình (tỷ đồng/phiên)

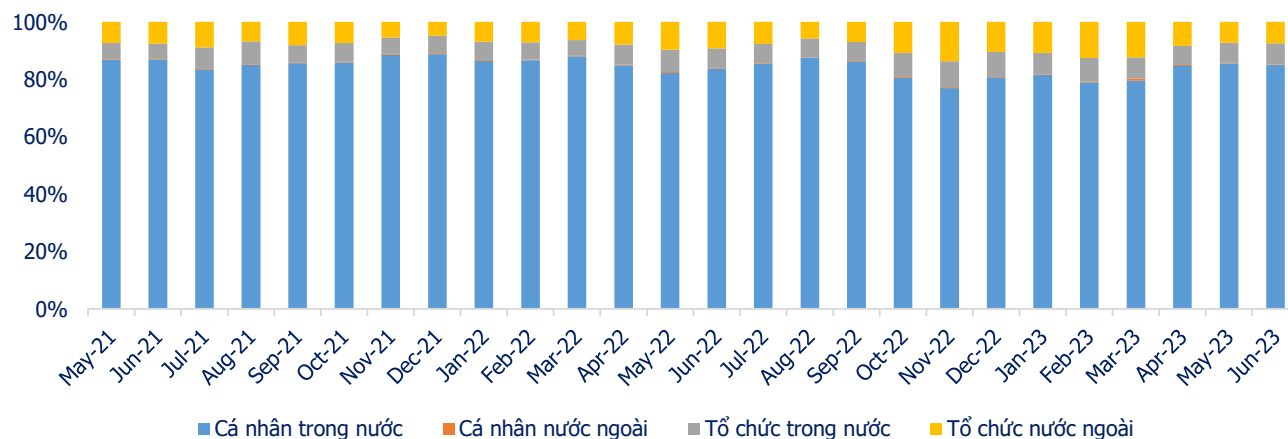


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Giá trị giao dịch ròng theo loại nhà đầu tư (tỷ đồng)



Tỷ trọng giao dịch theo loại nhà đầu tư theo tháng



Nhà đầu tư cá nhân trong nước duy trì giao dịch tích cực trong tháng 6 với tỉ trọng vẫn ở mức cao, chiếm 85% toàn thị trường, giảm nhẹ so với tỉ trọng 85,51% trong tháng 5. Xét về quy mô, nhóm này duy trì mua ròng tháng thứ 03 liên tiếp với giá trị 1.436,21 tỷ đồng, tuy nhiên mức độ mua ròng giảm khá mạnh sau tháng 05 đột biến. Lũy kế 03 tháng nhà đầu tư cá nhân mua ròng 12.408,64 tỷ đồng.

Tỷ trọng tổ chức nước ngoài đã cải thiện tăng trở lại lên mức 7,40%, vẫn dưới mức trung bình. Bên cạnh đó nhà đầu tư tổ chức trong nước có tỷ trọng giao dịch chiếm 7,36%, tăng nhẹ tháng thứ 02 liên tiếp, ở mức trung bình.

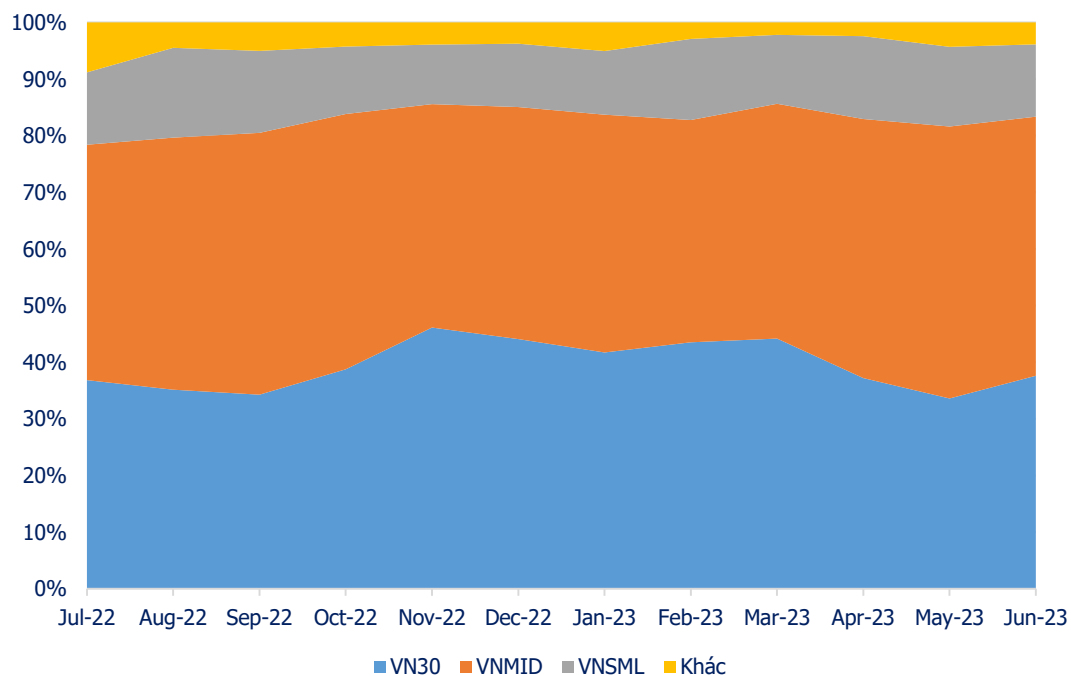
Các nhà đầu tư tổ chức trong nước bán ròng trong tháng 6, mức độ bán ròng đã giảm với giá trị 1.072,48 tỷ đồng, lũy kế bán ròng 8720,26 tỷ đồng trong 05 tháng liên tiếp. Nhóm tổ chức nước ngoài bán ròng tháng thứ 3 liên tiếp với giá trị 309,35 tỷ đồng, trong khi cá nhân nước ngoài bán ròng với giá trị 54,38 tỷ đồng trong tháng 06.

Tính chung 6 tháng, dòng vốn từ nhà đầu tư cá nhân vẫn đang chiếm chủ đạo trên thị trường trong đó cá nhân nội mua ròng 7.938 tỷ đồng, cá nhân nước ngoài mua ròng 2.280 tỷ đồng, khối nhà đầu tư tổ chức là đối tượng bán ra trong đó 75% từ tổ chức trong nước

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

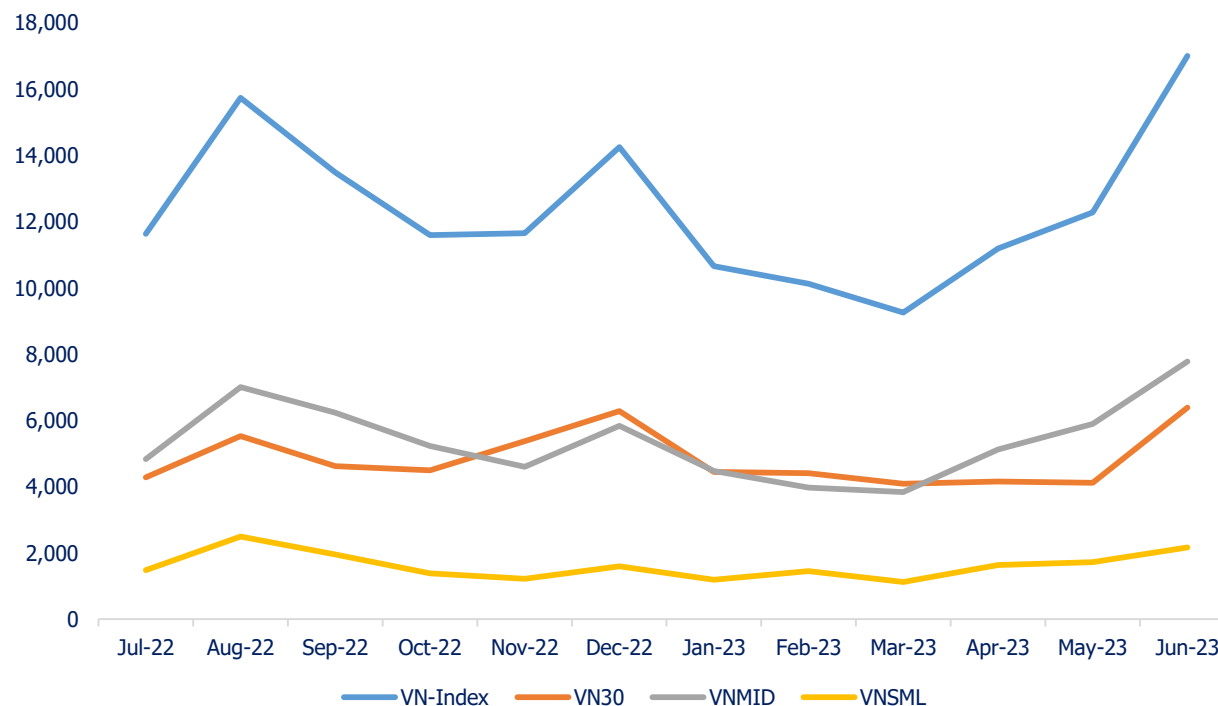
Dòng tiền trong tháng 6 tập trung cải thiện nhiều trong nhóm bluechip thể hiện qua giá trị giao dịch trung bình của VN30 tăng 55% so với tháng 5 và tỉ trọng tăng lên mức 37,60%, gần với mức trung bình 12 tháng (39,5%). Với nhóm VNMID, VNSML sau giai đoạn tăng giá mạnh trong tháng 5 và đầu tháng 6 đã chịu áp lực điều chỉnh, dẫn đến tỉ trọng giá trị giao dịch giảm dù giá trị giao dịch tăng. Tỉ trọng VNMID giảm xuống còn 45,75% từ mức 48,03% trong tháng 5, VNMSL giảm về mức 12,77% từ 14,07% trong tháng 5. Giá trị giao dịch của VNINDEX, VN30, VNMID trong tháng 6 cũng là mức trung bình cao nhất tính từ tháng 05/2022 đến nay.

Tỷ trọng giá trị giao dịch bình quân trên VN-Index



Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research

Giá trị giao dịch bình quân phiên trong 12 tháng gần nhất (tỷ đồng)





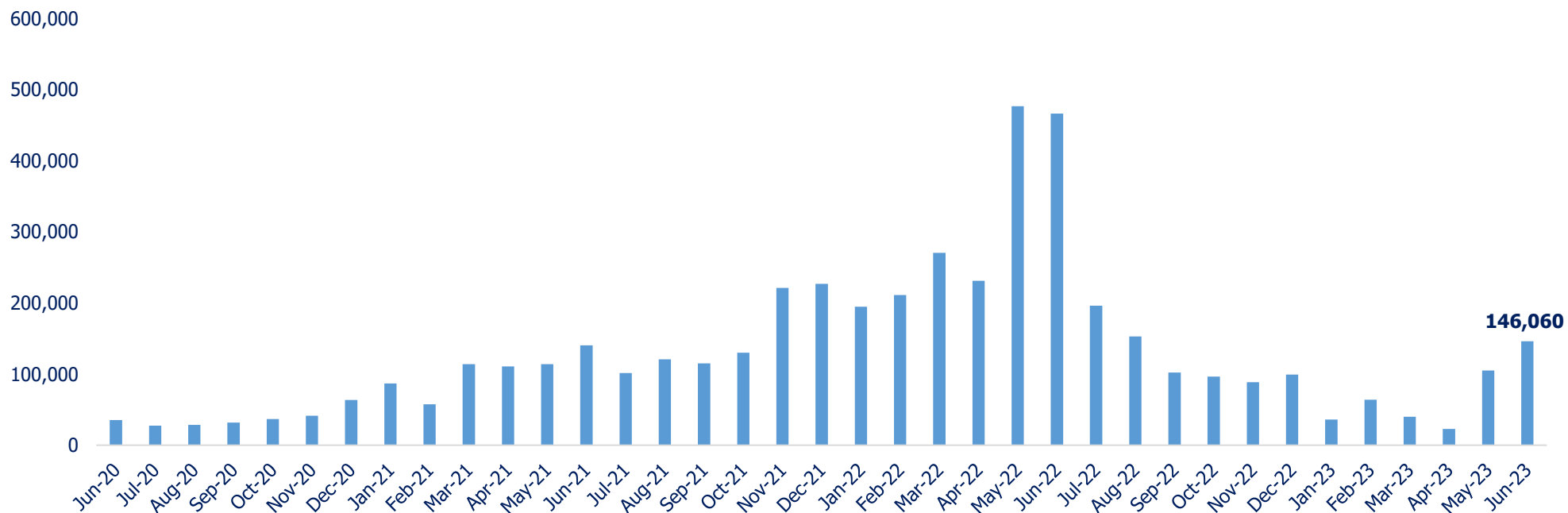
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Số lượng tài khoản của nhà đầu tư mở mới đạt 146.060 tài khoản trong tháng 6 (tăng 28% so với tháng trước), đây là tháng thứ 2 liên tiếp số lượng tài khoản chứng khoán mở mới của nhà đầu tư trong nước tăng mạnh sau khi chạm đáy vào tháng 4 vừa qua (22.926 tài khoản mở mới). Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 có 413.976 tài khoản chứng khoán mở mới, giảm 77,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tới cuối tháng 6/2023 đạt trên 7,31 triệu tài khoản, trong đó 7,26 triệu tài khoản là của nhà đầu tư nội (99,4%), số tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài là 43.882 tài khoản.

Số lượng tài khoản mở mới theo tháng

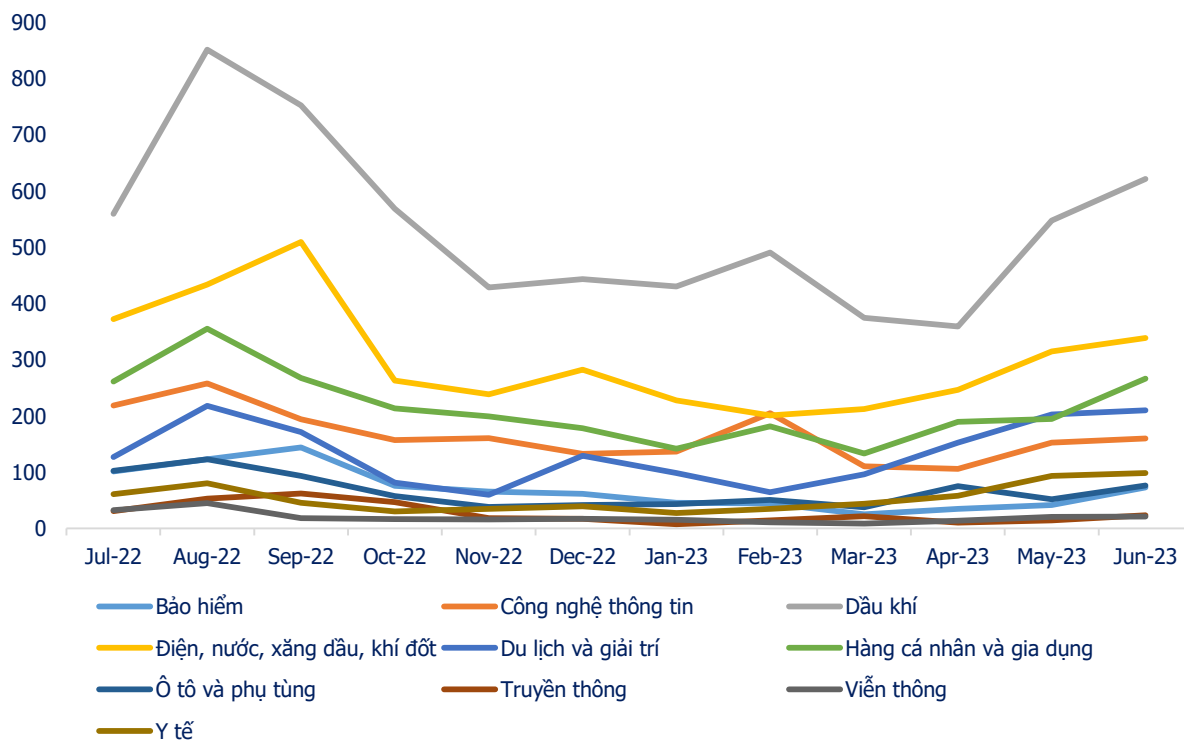


Nguồn: Bloomberg, SHS Research

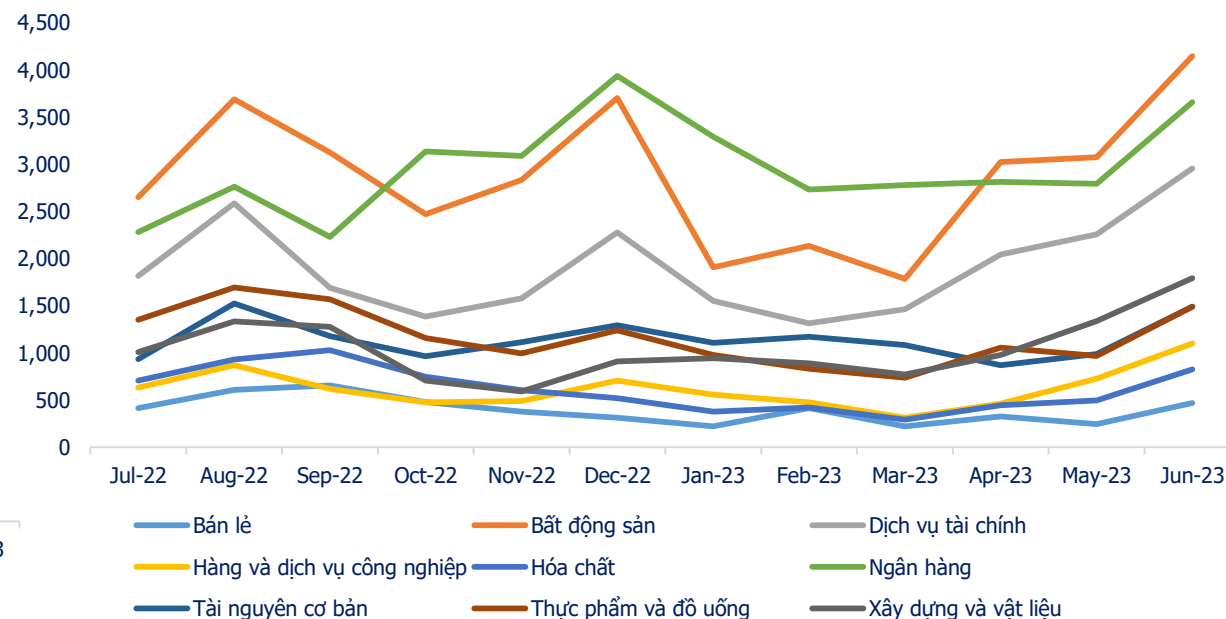
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Bất động sản, ngân hàng và dịch vụ tài chính-chứng khoán tiếp tục là ba nhóm ngành chủ đạo thu hút dòng tiền trên thị trường, chiếm 54,3% giao dịch toàn thị trường. Xét về mức tăng trưởng thanh khoản, nhóm bán lẻ có mức tăng đột biến 91,2% so với tháng 5, tiếp sau là Bảo hiểm (+74,4%), Hóa chất (+65,7%), Thực phẩm và đồ uống (+53,8%)... Ngược lại nhóm ngành Y tế, du lịch và giải trí, công nghệ và thông tin, viễn thông là các nhóm ngành giá trị giao dịch không biến động nhiều, dòng tiền chưa cải thiện.

GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 1)



GTGD bình quân phiên theo ngành (tỷ đồng, biểu đồ 2)



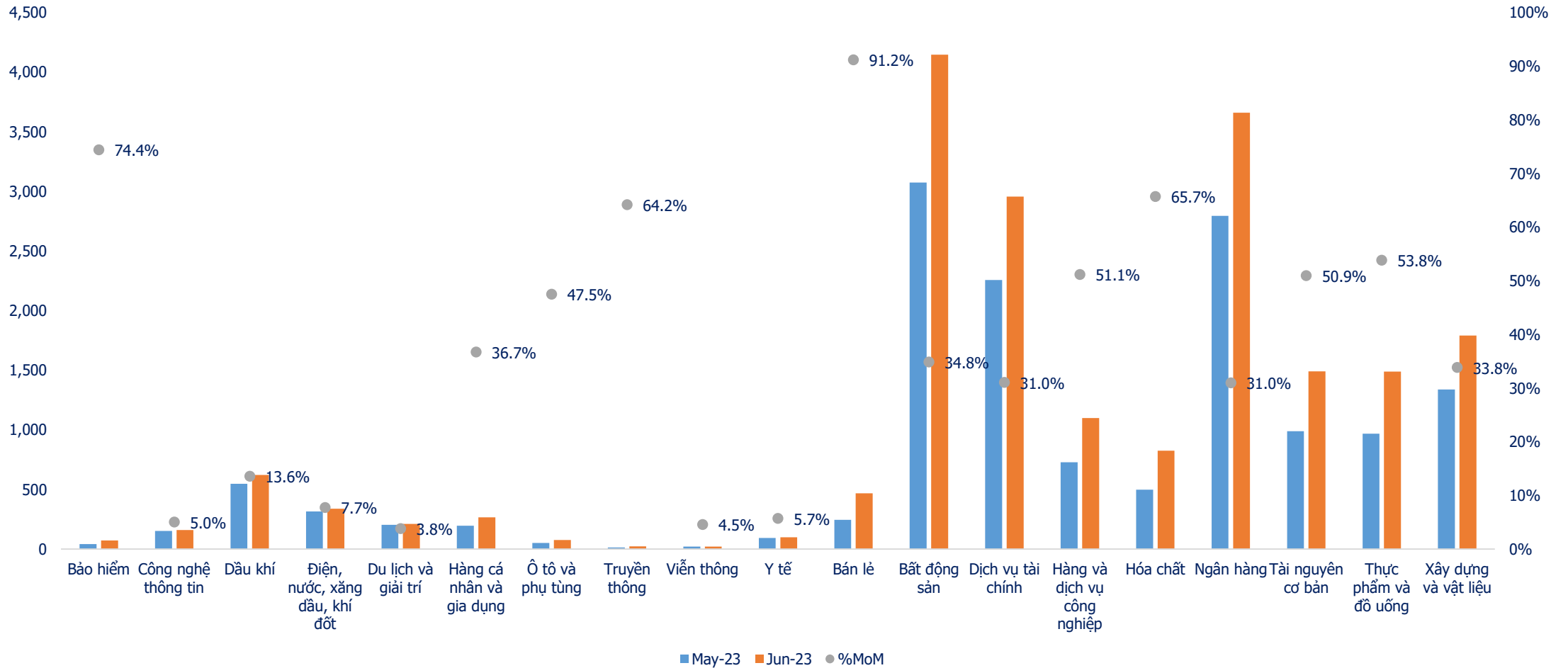
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Giá trị giao dịch bình quân phiên theo nhóm ngành



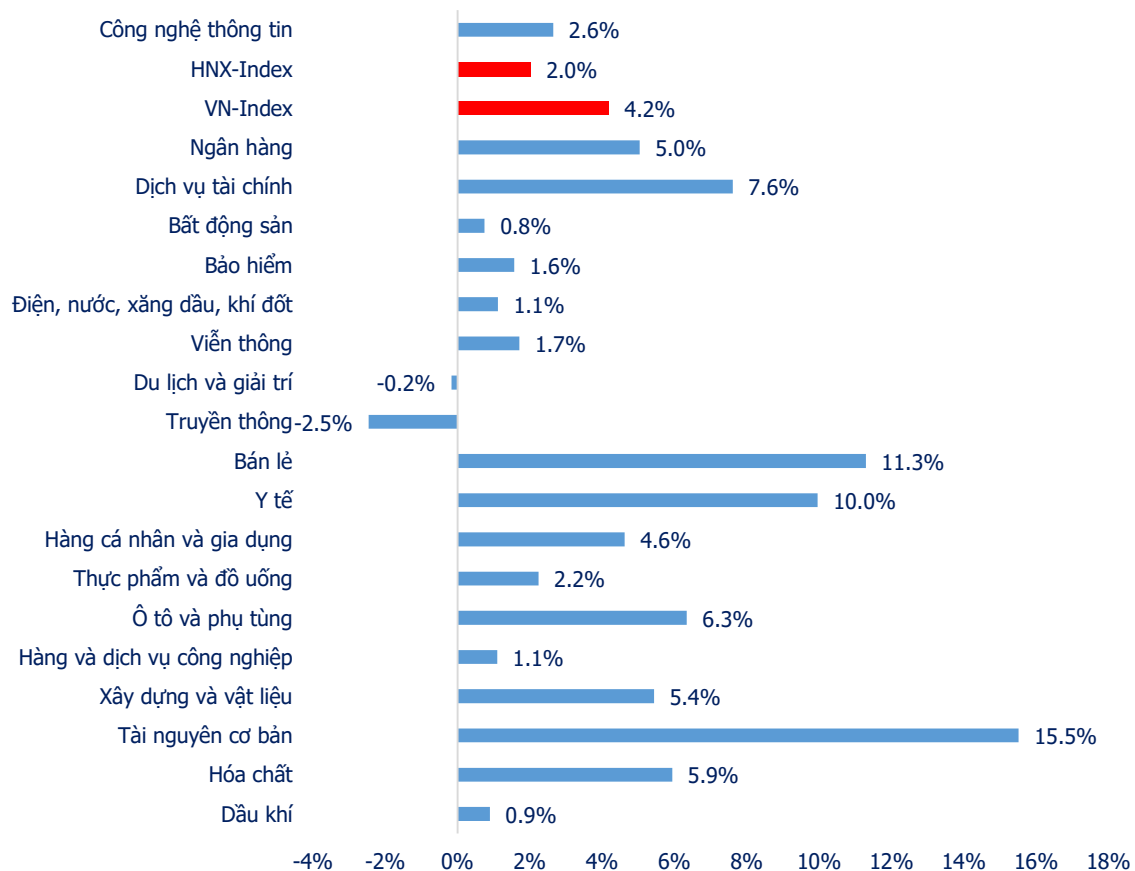
Nguồn: Bloomberg, SHS Research



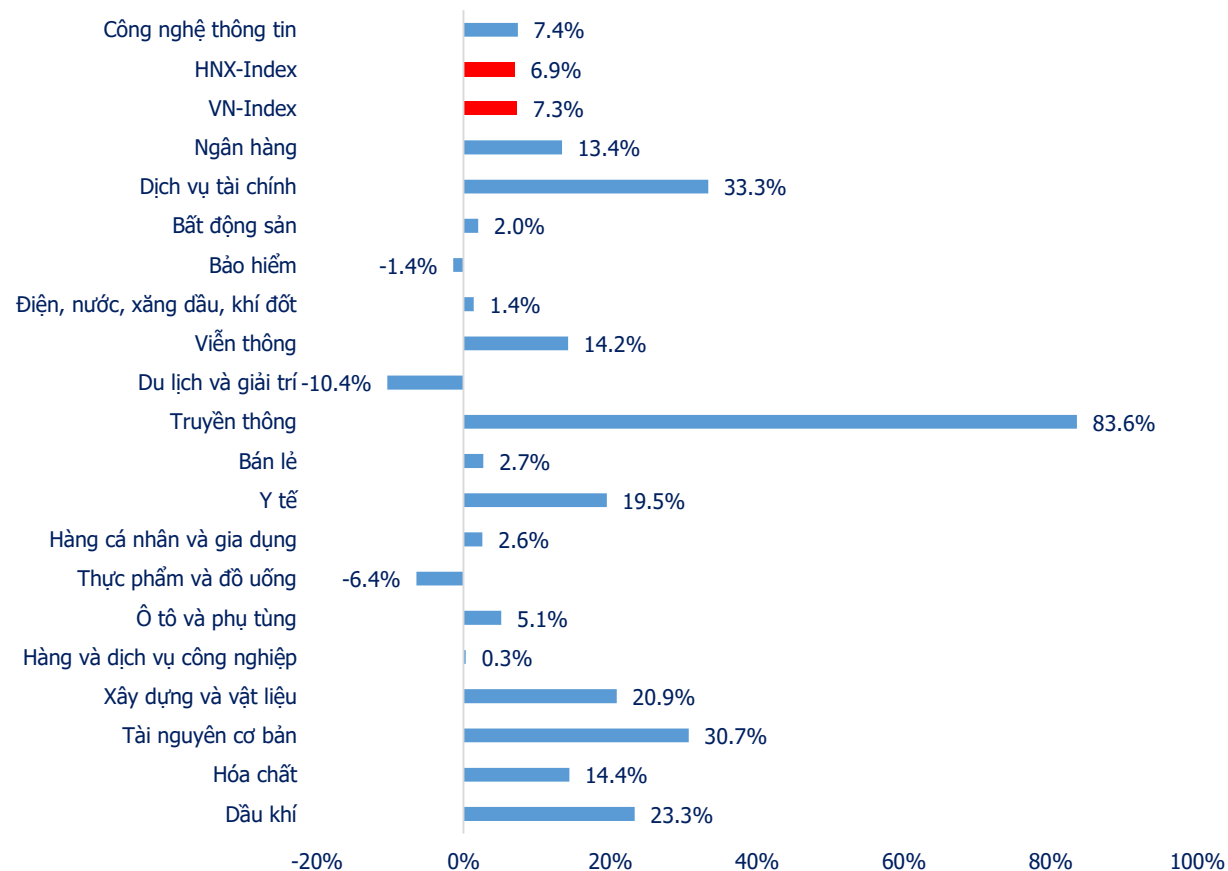
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong tháng 6/2023



Tăng/giảm các nhóm ngành và chỉ số thị trường trong 6 tháng 2023

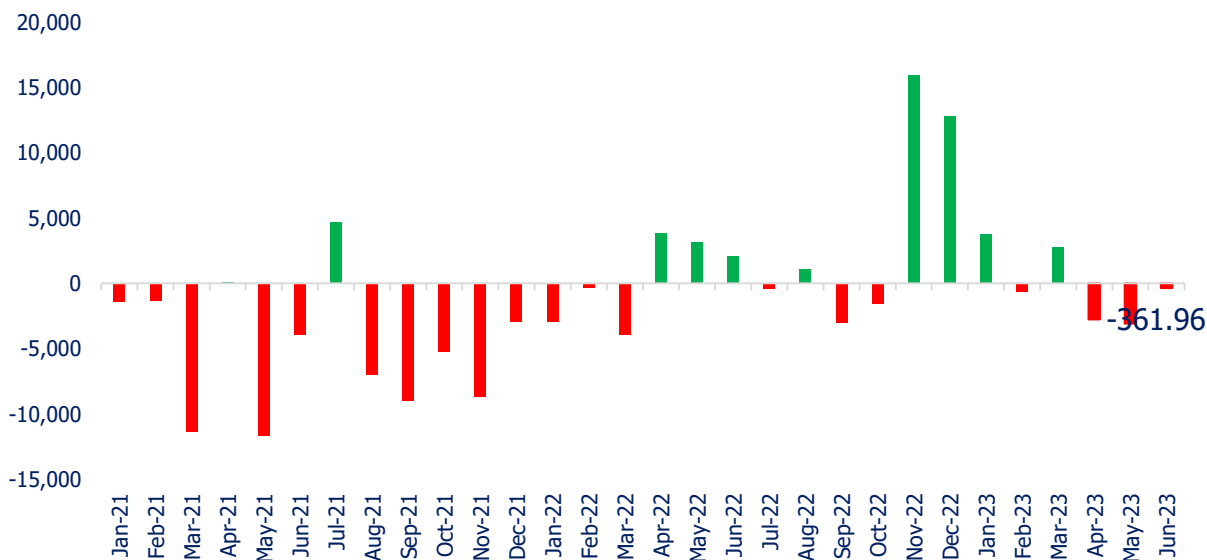


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

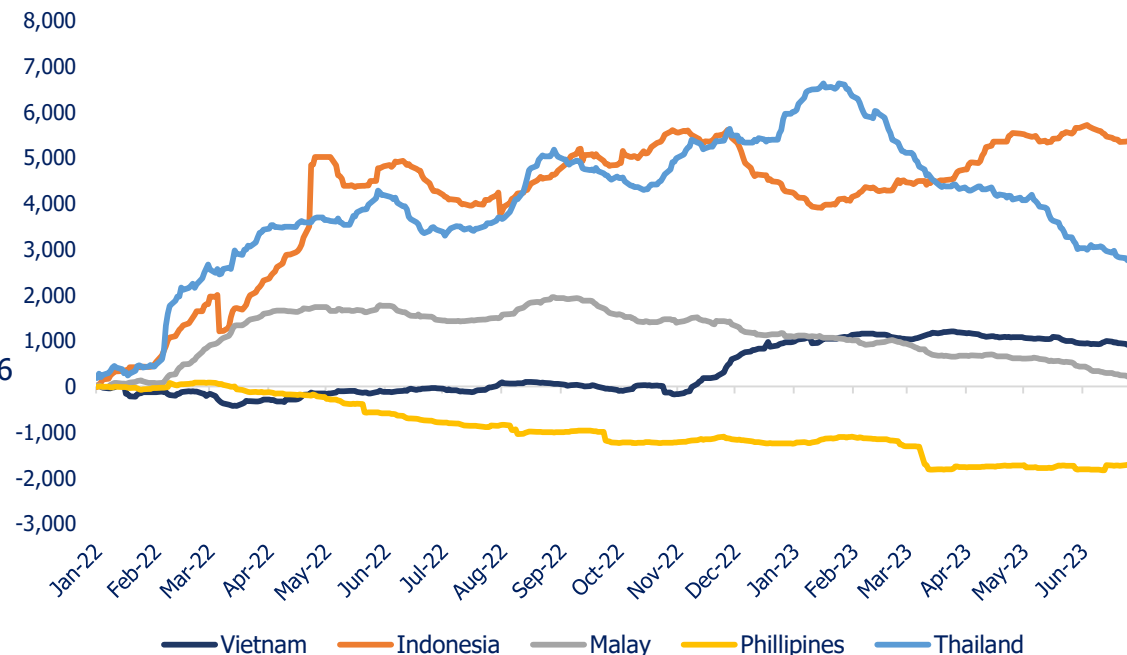
Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng trong tháng 6. Tháng thứ 3 liên tiếp nhà đầu tư nước ngoài bán ròng, mức độ bán ròng nhẹ hơn với giá trị 391,96 tỉ đồng trên sàn HOSE. Như vậy trong Quý II/2023 khối ngoại bán ròng với giá trị 6.210,33 tỉ đồng trên HOSE, mua ròng 417,10 tỉ đồng trên HNX và mua ròng 781,37 tỉ đồng trên Upcom.

Lũy kế 06 tháng đầu năm 2023, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng với giá trị 302,17 tỉ đồng tại HOSE, trong khi vẫn mua ròng khá mạnh trên HNX với giá trị 1.427,07 tỉ đồng và 824,96 tỉ đồng trên Upcom. So với một số thị trường khác trong khu vực tính từ đầu năm 2023 khối ngoại vẫn đang mua ròng cổ phiếu tại Indonesia và Việt Nam, các thị trường đều bị rút ròng như Thái Lan, Malaysia, Phillipines.

Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HOSE theo tháng từ 2021 đến nay (tỷ đồng)



Lũy kế giao dịch cổ phiếu khối ngoại (2022-2023)



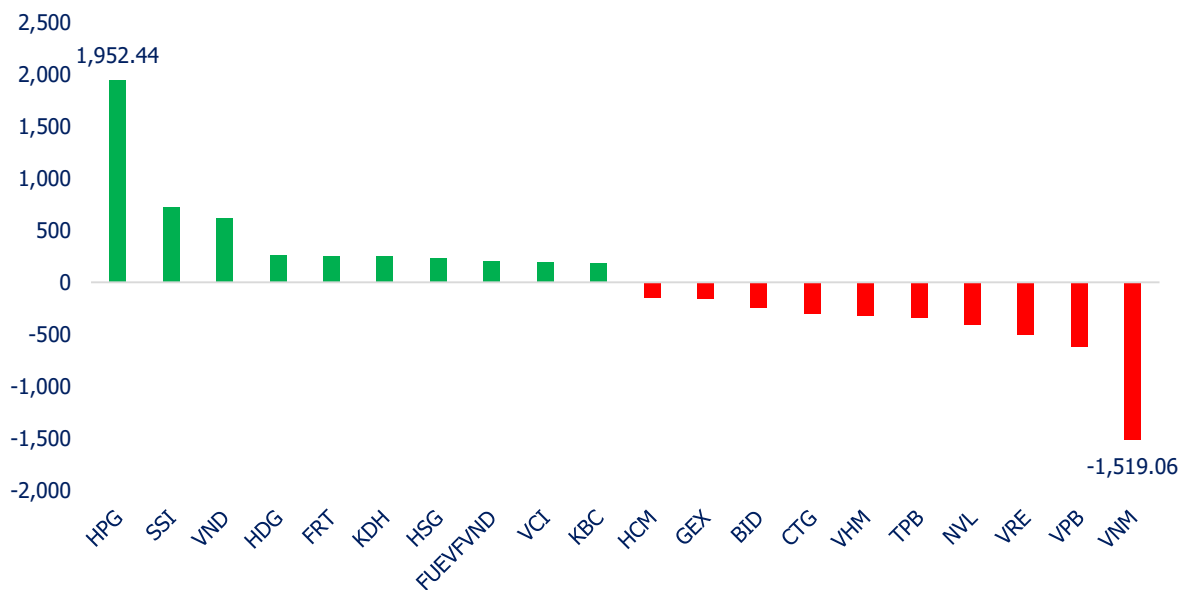
Nguồn: Bloomberg, Fiingroup, SHS Research



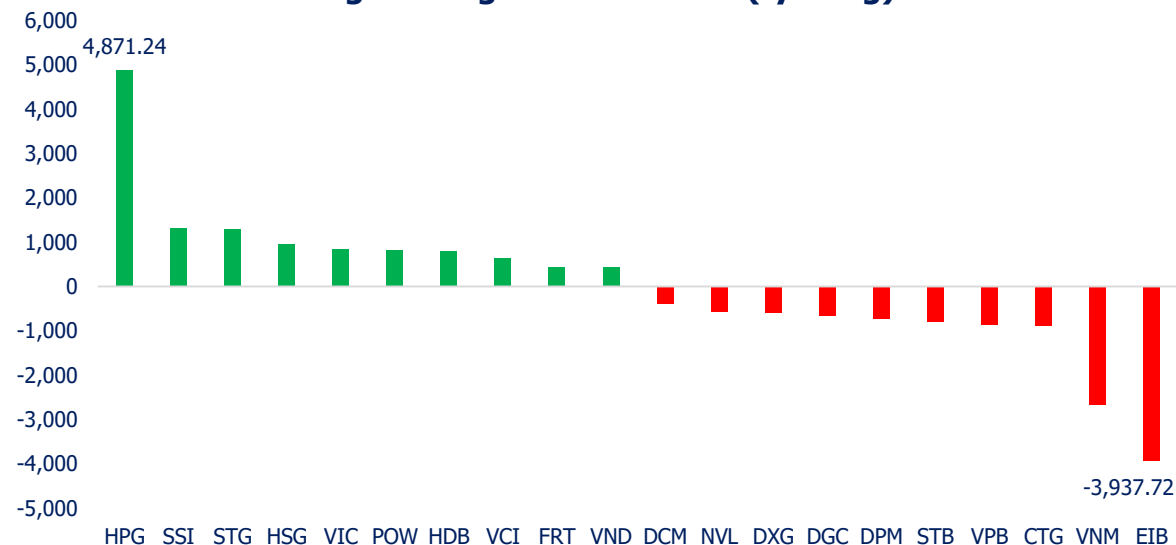
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong tháng 6/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HOSE trong 6 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiiingroup, SHS Research

Tại HOSE, HPG là cổ phiếu tiếp tục được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh với giá trị 1.952,44 tỷ đồng trong tháng 6, lũy kế 06 tháng đầu năm HPG được mua ròng mạnh với giá trị 4.871,24 tỷ đồng. Nhóm dịch vụ tài chính cũng được mua ròng tốt trong tháng 6 với SSI (+728,21 tỷ đồng), VND (+614,16 tỷ đồng), VCI (+191,86 tỷ đồng). Ở chiều ngược lại VNM (-1.519,06 tỷ đồng) bị bán ròng mạnh nhất, đột biến trong tháng 6, bên cạnh các mã nhóm ngân hàng bị bán ròng như VPB (-620,12 tỷ đồng), TPB (-340,75 tỷ đồng), CTG (-306,18 tỷ đồng), BID (-248,66 tỷ đồng)

Lũy kế 06 tháng đầu năm nhà đầu tư nước ngoài bán ròng, trong đó bán ròng mạnh EIB (-3.937,72 tỷ đồng), VNM (-2.664,25 tỷ đồng), CTG (-906,69 tỷ đồng), VPB (-860,30 tỷ đồng), STB (-799,99 tỷ đồng)... Trong khi tập trung mua ròng mạnh đối với cổ phiếu nhóm thép và dịch vụ tài chính, chứng khoán.



Biến cơ hội thành giá trị

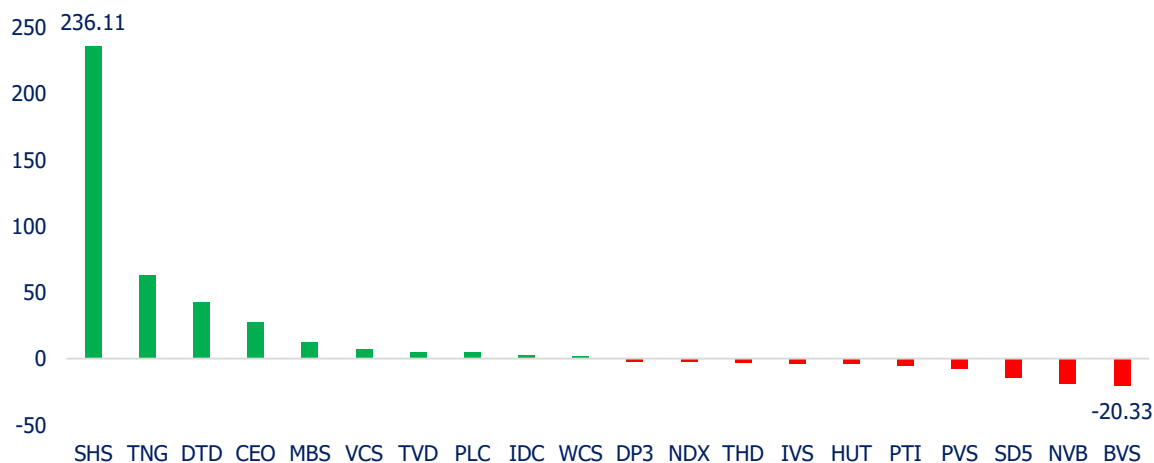
TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Tại HNX, khối ngoại mua ròng trong tháng 6 với giá trị 317,53 tỷ đồng. Mua ròng 417,190 tỷ đồng trong Quý II và lũy kế 06 tháng đầu năm khối ngoại mua ròng 1.427,07 tỷ đồng, vượt trội nếu so sánh lũy kế với bán ròng trên sàn HOSE.

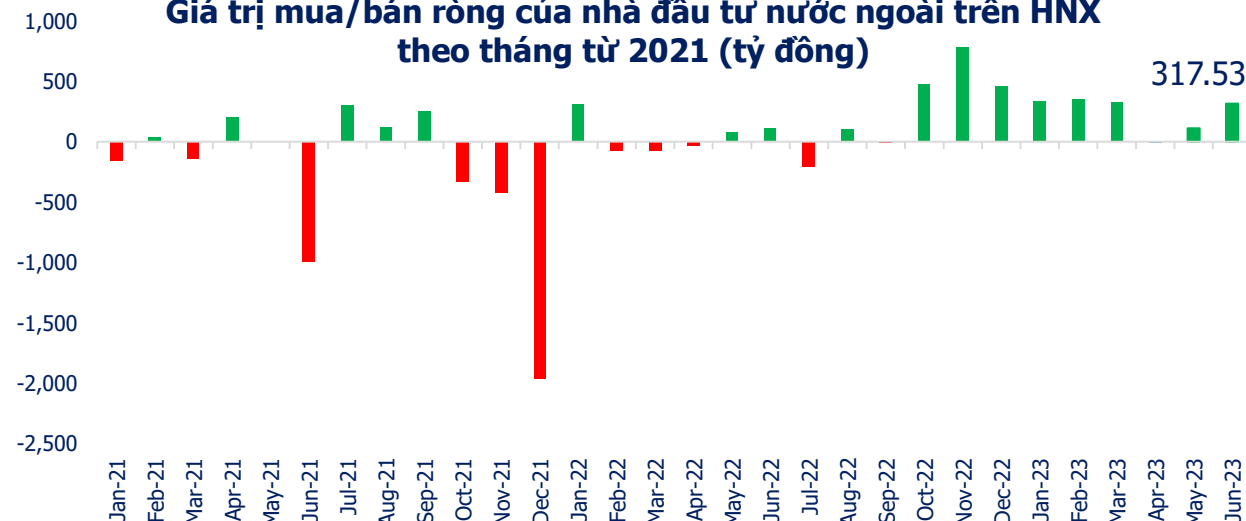
SHS (+236,11 tỷ đồng), TNG (+63,14 tỷ đồng), DTD (+42,53 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu được mua ròng, đột biến ở SHS. Ngược lại BVS (-20,33 tỷ đồng), NVB (-18,93 tỷ đồng), SD5 (-14,62 tỷ đồng) là 03 cổ phiếu bị bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trong tháng 6. Lũy kế 06 tháng 2023 IDC (+458,46 tỷ đồng), CEO (+25,1,49 tỷ đồng), TNG (+213,98 tỷ đồng), PVS (+210,33 tỷ đồng), SHS (+207,58 tỷ đồng) là các cổ phiếu được mua ròng tốt.

Nguồn: Fiingroup, SHS Research

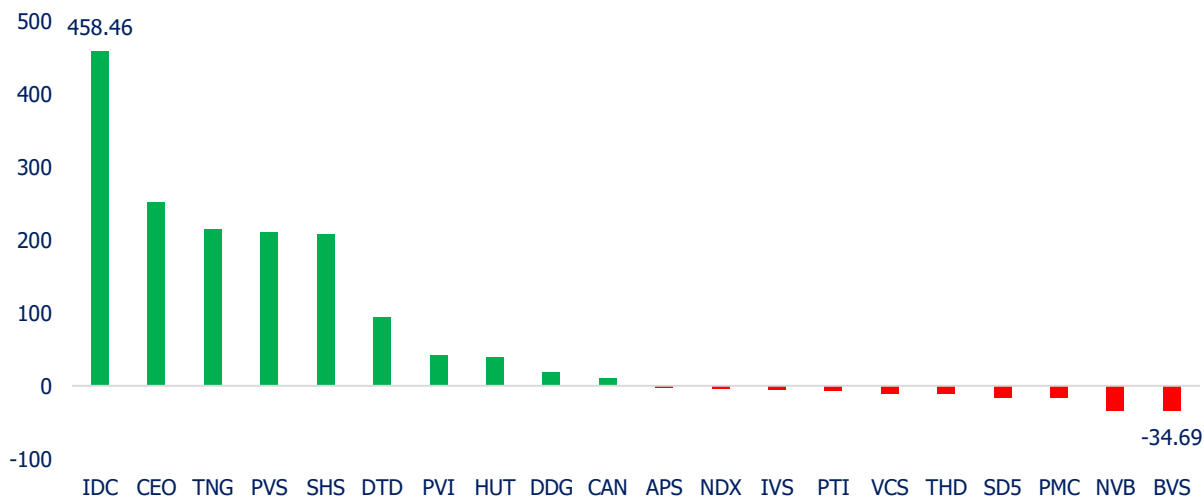
Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong tháng 6/2023 (tỷ đồng)



Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên HNX theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên HNX trong 6 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)





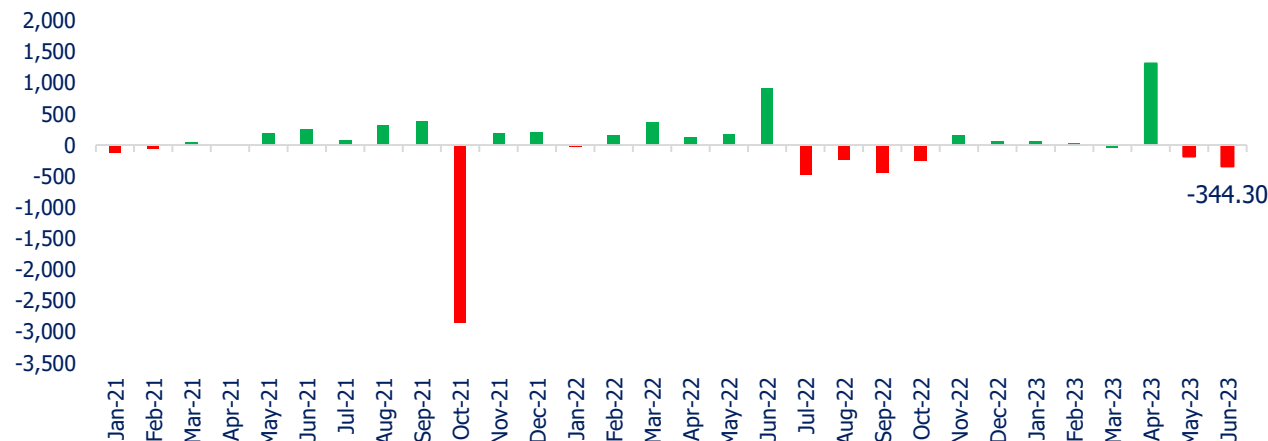
Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

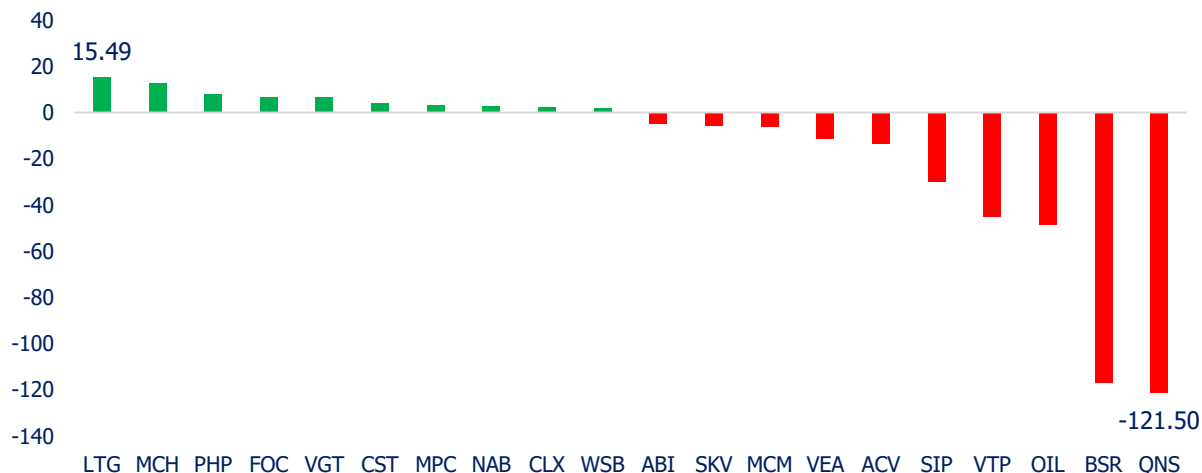
Trên sàn Upcom khối ngoại bán ròng tháng thứ hai liên tiếp, giá trị bán ròng gia tăng với -344,30 tỉ đồng. Trong đó tập trung bán ròng khá mạnh ở QNS (-121,50 tỉ đồng), BSR (-116,91 tỉ đồng), OIL (-48,75 tỉ đồng)... trong khi mua ròng nhẹ ở LTG (+15,49 tỉ đồng), MCH (+12,62 tỉ đồng)..

Lũy kế 06 tháng 2023, tổ chức nước ngoài vẫn mua ròng với giá trị 824,96 tỉ đồng trên Upcom. Chủ yếu đến từ mua ròng đột biến IDP (1.345,55 tỉ đồng), trong khi bán ròng gia tăng với VTP (-255,40 tỉ đồng), QNS (-241,48 tỉ đồng).

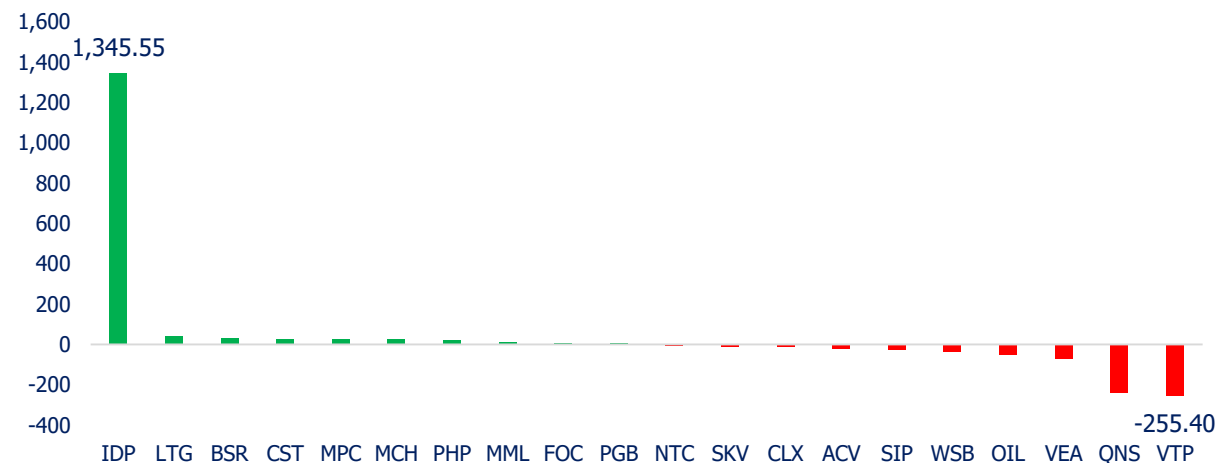
Giá trị mua/bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài trên UPCOM theo tháng từ 2021 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong tháng 6/2023 (tỷ đồng)



Các mã được NĐTNN mua/bán ròng nhiều nhất trên UPCOM trong 6 tháng đầu năm 2023 (tỷ đồng)

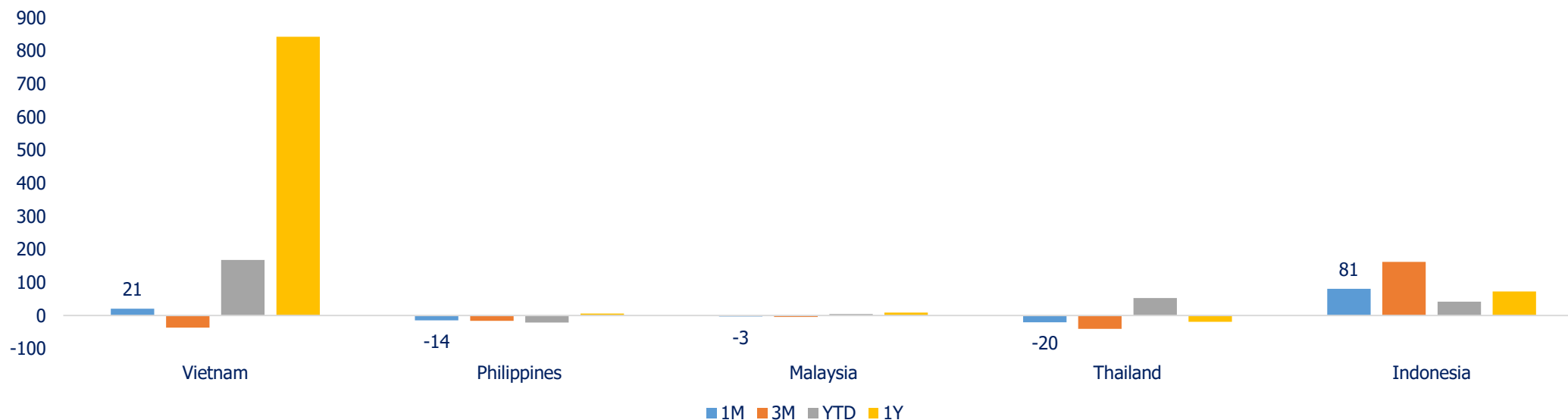


TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Dòng vốn ETF trong nửa đầu năm 2023 tại thị trường Việt Nam có sự phân hóa khi các quỹ ETF ngoại hút tiền khá mạnh trong khi đó các quỹ ETF nội lại có dấu hiệu chứng lại và rút ròng nhiều hơn. Từ đầu năm DCVFM VN30 rút ròng 8,9 triệu USD, DCVFM VNDiamond chỉ hút ròng 5,3 triệu USD (cùng kỳ hút ròng hơn 243 triệu USD). Diễn biến trái ngược ở các quỹ ETF ngoại như VNM (+76 triệu USD), FTSE (+63,3 triệu USD) và FUBON (+72,3 triệu USD). Tuy nhiên phần lớn giá trị trên đều dồn vào giai đoạn quý đầu năm, bắt đầu từ quý II/2023 dòng vốn suy yếu dần khi định giá thị trường quay trở lại mức cao và không còn hấp dẫn như trước.

Nhìn chung 6 tháng đầu năm, Việt Nam vẫn thu hút dòng vốn tích cực nhất trong khu vực với 168 triệu USD xếp sau là Thái Lan, Indonesia và Malaysia. Philippines là thị trường duy nhất bị rút ròng với 21 triệu USD.

**Dòng vốn ETF theo quốc gia
(Triệu USD)**



Nguồn: Bloomberg, SHS Research



Biến cơ hội thành giá trị

TỔNG QUAN TTCK THÁNG 6

Tên quỹ	Loại hình	Tổng AUM	NAV	Số lượng CCQ	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		(triệu USD)	(tỷ USD)		1M	3M	YTD	1Y
DCVFMVN Diamond ETF (VND)	ETF	789	1.2	788,300,000	7.9	(16.8)	5.3	519.9
Fubon FTSE Vietnam ETF (TWD)	ETF	829	0.5	2,193,238,000	(1.0)	4.4	72.3	432.0
DCVFMVN30 ETF Fund (VND)	ETF	349	0.9	436,800,000	(10.2)	(28.5)	(8.9)	(6.5)
VanEck Vietnam ETF (USD)	ETF	517.3	14.9	40,350,000	11.9	(18.1)	76.3	182.3
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF (EUR)	ETF	326.2	33.7	12,541,250	7.0	11.9	63.3	139.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF (VND)	ETF	164.6	0.7	237,000,000	1.4	(1.0)	0.0	38.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF (KRW)	ETF	145.2	15.7	10,800,000	4.0	1.4	(43.5)	33.9
Premia MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	16.2	9.9	2,080,000	0.0	0.0	0.3	(1.1)
SSIAM VNX50 ETF (VND)	ETF	5.7	1.0	8,800,000	0.0	0.0	(0.5)	(4.1)
Asian Growth CUBS ETF (USD)	ETF	10.2	21.5	520,000	0.0	0.0	0.0	0.2
Global x MSCI Vietnam ETF (USD)	ETF	4.3	19.5	310,000	0.5	(0.4)	0.8	0.3
SSIAM VN30 ETF (VND)	ETF	3.7	0.8	7,400,000	0.1	0.5	0.7	0.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 Fututres Leverage ETF (KRW)	ETF	5.5	10.6	800,000	0.0	0.0	0.8	3.9
KIM GROWTH VN30 ETF (VND)	ETF	13.2	0.3	44,000,000	(0.3)	(0.3)	(5.3)	11.5

Nguồn: Bloomberg, SHS Research

**TRIỂN VỌNG
TTCK
THÁNG 7**

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 7

VN-Index đã hồi phục 11,2% trong nửa đầu năm 2023 trong đó khoảng thời gian 05 tháng đầu năm thị trường dao động đi ngang biên độ hẹp dần tạo thành một nền tảng gốc tích lũy rất tin cậy. Kể từ tháng 06/2023 VN-Index bắt đầu tăng điểm và phá vỡ nền tảng tích lũy, chuyển trạng thái từ đi ngang sang trạng thái hồi phục tích cực.

Những diễn biến liên tục tích lũy, bùng nổ trên quá trình phục hồi cho tới thời điểm hiện tại cho thấy động lực tăng của Vn-Index là khá mạnh. Xu hướng thị trường trong 6 tháng cuối năm 2023 được dự báo theo hướng tích cực và khả năng VN-Index sẽ dao động tích lũy trong vùng 1.150 điểm +/- 30 điểm và tiếp tục phân hóa. Trong trường hợp các điều kiện vĩ mô, thị trường, dòng tiền thuận lợi và chỉ số vượt qua được khu vực 1.180 điểm một cách thuyết phục, thị trường khả năng sẽ bước vào xu hướng tăng điểm dài hạn.

Một số yếu tố cần theo dõi trong giai đoạn còn lại của năm 2023 bao gồm:

- Chính sách tiền tệ của FED và diễn biến thị trường chứng khoán quốc tế.
- Tăng trưởng kinh tế và sự phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong QIII và hiệu quả thực tế của các chính sách hỗ trợ thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu.



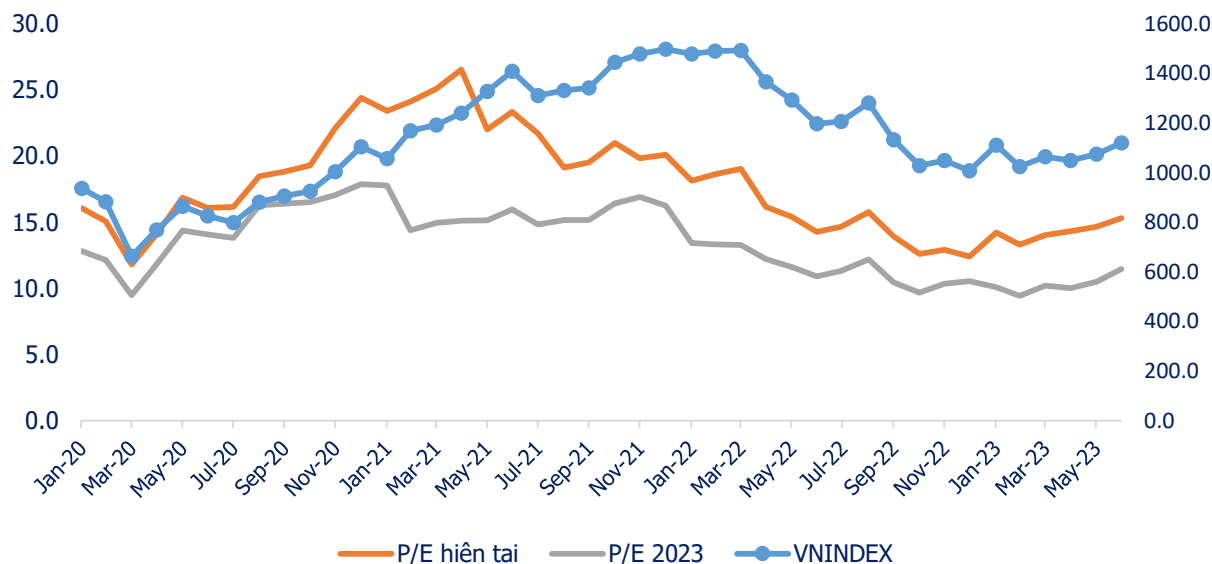


Biến cơ hội thành giá trị

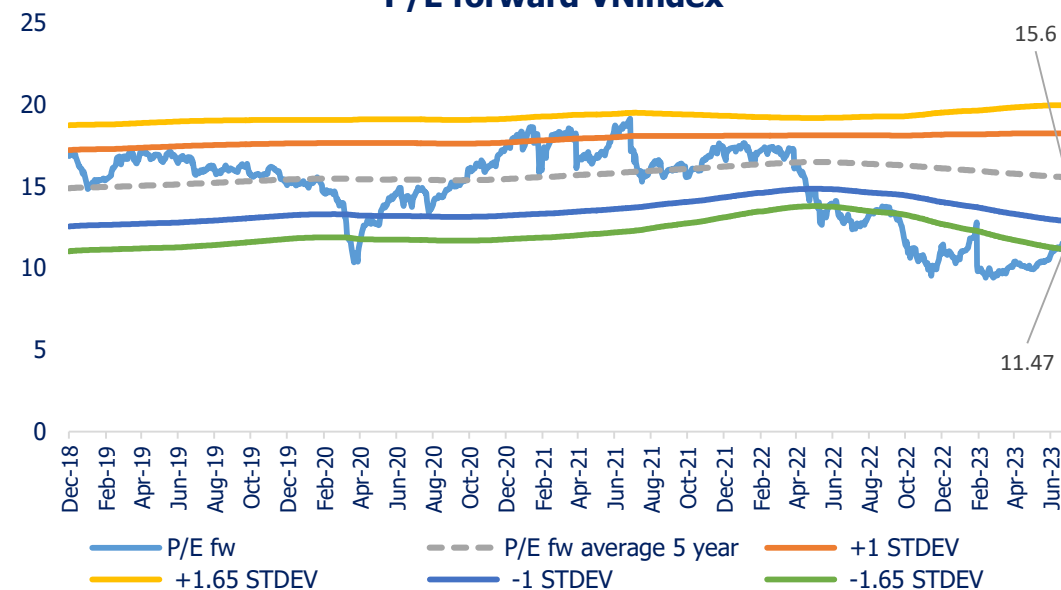
TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 7

Vào thời điểm kết thúc tháng 6/2023, định giá toàn thị trường đã tăng lên 15,3x so với mức 12,4x thời điểm cuối năm 2022 một phần do kết quả kinh doanh quý 1 của các doanh nghiệp giảm. Mặc dù vậy mức định giá này vẫn thấp hơn so với trung bình 10 năm gần nhất (16,5 lần).

Định giá TTCK VN



P/E forward VNindex



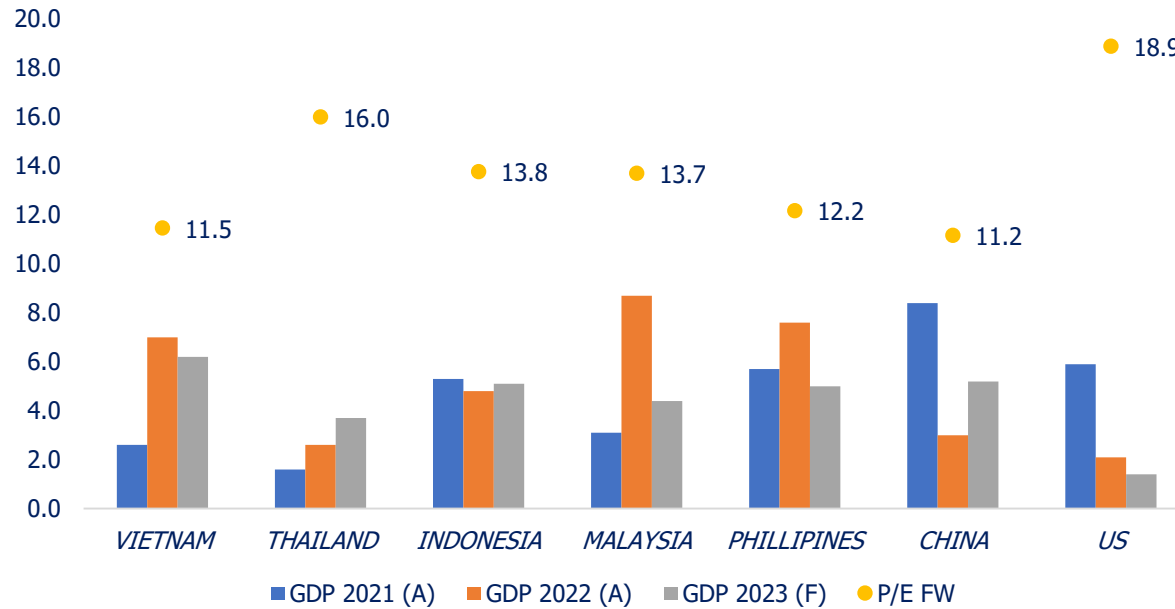
Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp



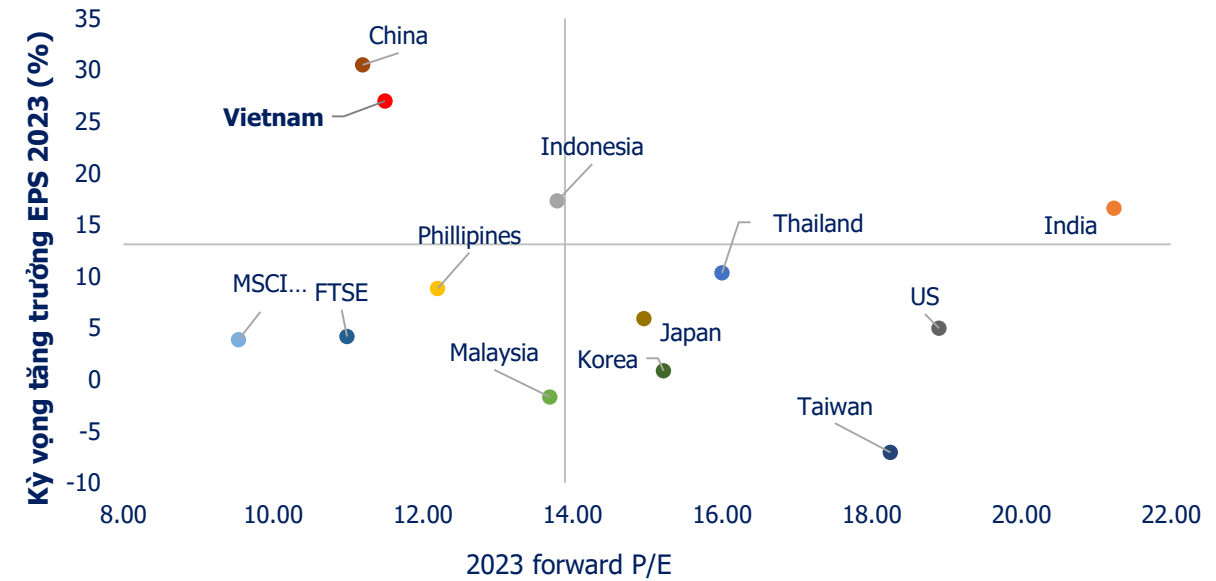
Biến cơ hội thành giá trị

TRIỂN VỌNG TTCK THÁNG 7

TTCK VN so với các nước trên thế giới

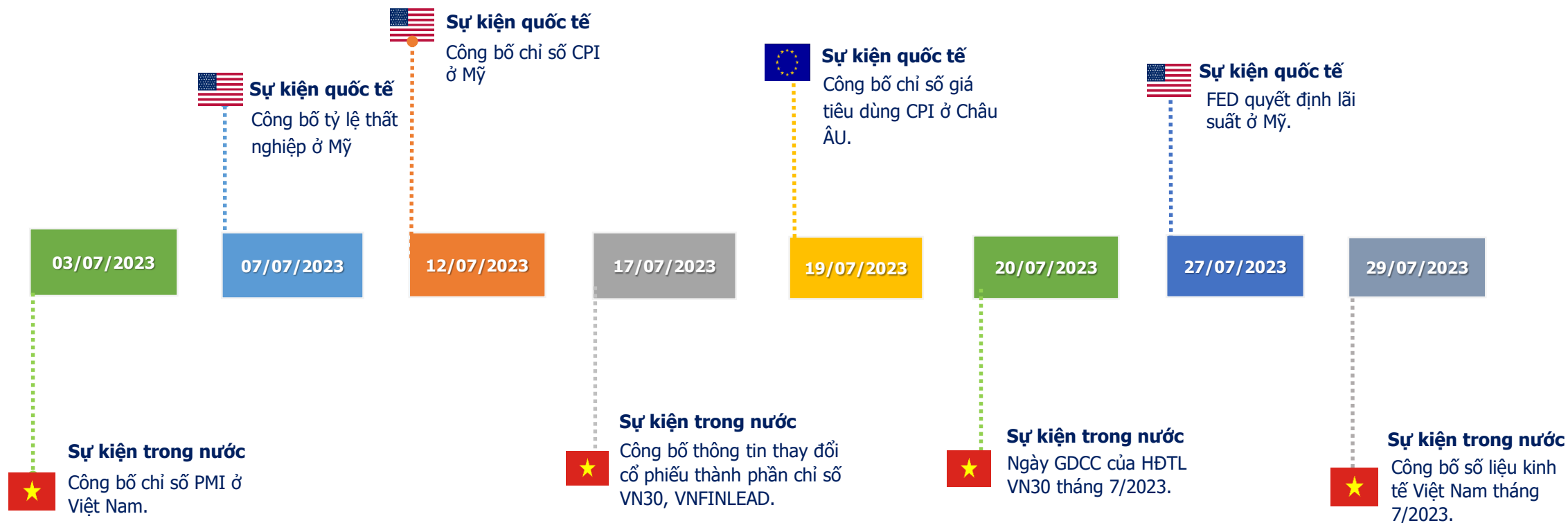


Kỳ vọng tăng trưởng EPS, P/E Foward 2023



Nguồn: Bloomberg, SHS tổng hợp

LỊCH SỰ KIỆN THÁNG 7



A person in a dark suit and tie is pointing their right index finger at a glowing blue line graph. The graph features a solid blue line with circular markers and a dashed blue line, both showing an upward trend. The background is dark blue with faint grid lines. A white rectangular frame encloses the text.

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Feb

Mar

Apr

May

Jun

Jul

Aug

Sep

Oct

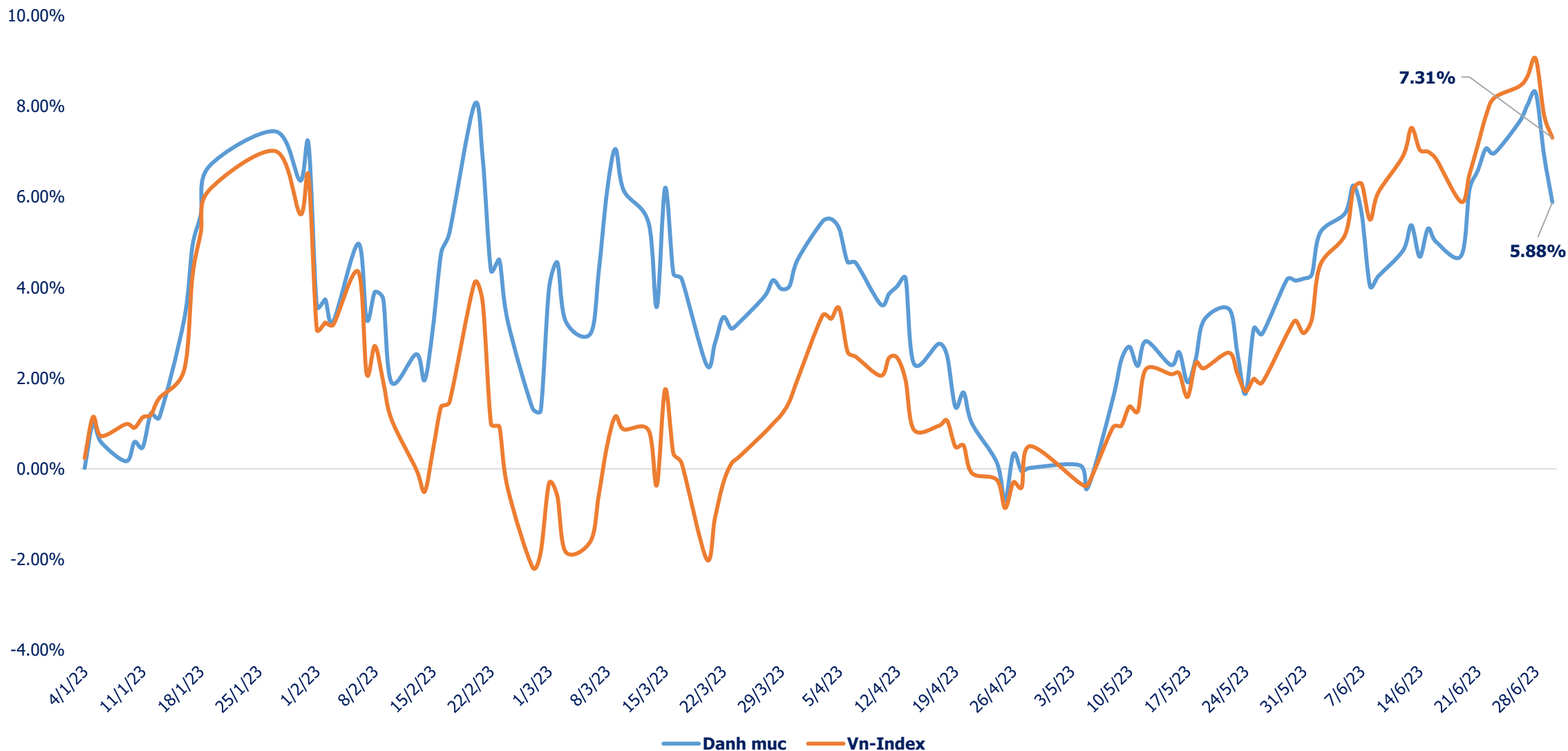
Nov

Dec



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023





Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam	110-105	97,8	93,0	- ĐHCĐ GAS thông qua chia cổ tức 2022 bằng tiền tỷ lệ 36%, cổ phiếu thưởng tỷ lệ 20% tăng vốn lên gần 23.000 tỷ. Cổ tức năm 2023 dự kiến tỷ lệ 20% bằng tiền. - Trong 6 tháng đầu năm. PV GAS đã cung cấp khoảng 4,14 tỷ m3 khí khô bằng 104% kế hoạch; sản lượng kinh doanh LPG đạt trên 1,06 triệu tấn, bằng 115% kế hoạch và đã nỗ lực cung cấp khí cho sản xuất điện đạt 102% kế hoạch. mở rộng/nâng công suất kho chứa LNG Thị Vải lên 3 triệu tấn/năm. - Ngày 27/6/2023, GAS đã thực hiện thành công việc đưa dòng khí đầu tiên vào đường ống dẫn khí Thị Vải – Phú Mỹ qua đó sẵn sàng tiếp nhận chuyển tàu LNG đầu tiên dự kiến sẽ cập cảng vào tháng 7/2023.
PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33-34	33,7	32,4	- ĐHCĐ thông qua KH2023 với 13.200 tỷ đồng doanh thu (-22,7% YoY), 560 tỷ đồng lãi sau thuế (-40,7% YoY), cổ tức 2022 và dự kiến 2023 là 7% bằng tiền. 6 tháng đầu năm ước đạt 7.300 tỷ đồng doanh thu hợp nhất (-7% YoY), lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước 400 tỷ đồng (+7%), hoàn thành 55% kế hoạch doanh thu và 51% chỉ tiêu lợi nhuận cả năm 2023. - Ngày 19/5/2023, PVS ký hợp đồng (ước 300tr USD) với Orsted (Đan Mạch) chế tạo 33 kết cấu móng chân đế cho trang trại điện gió ngoài khơi Đài Loan vào cuối năm 2025. PVS đã nộp hồ sơ và đang chờ kết quả đấu thầu dự án Lô B Ô Môn, ước giá trị hợp đồng 1 tỷ USD bắt đầu ghi nhận từ 2023. - Tập đoàn PGE (Ba Lan) và Orsted (Đan Mạch) đã ký kết thỏa thuận với liên danh của Semco Maritime (Đan Mạch) và PTSC Mechanical & Construction (công ty con của PVS) cho dự án thiết kế, chế tạo và chạy thử 4 trạm biến áp ngoài khơi từ năm 2023 đến năm 2026 cho trang trại điện gió ngoài khơi Baltica 2 ở Ba Lan.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
BMI	Tổng CTCP Bảo Minh	30-32	25,4	23,7	- Năm 2023, BMI lên kế hoạch doanh thu phí bảo hiểm gốc 5.770 tỷ đồng (+6% YoY), tổng doanh thu 6.750 tỷ đồng (+7% YoY), LNTT 375 tỷ đồng (+9,4% YoY), tỷ lệ chia cổ tức tối thiểu 10%. Q1/2023, BMI đạt 1.406 tỷ đồng doanh thu phí bảo hiểm gốc (+12% YoY), LNTT 91,78 tỷ đồng (+3% YoY) do tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm (tổng chi bồi thường bảo hiểm Q1.2023 tăng 43% YoY). - Ngày 06/06/2023: BMI trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỉ lệ 5%. Trong Q3-Q4.2023, BMI sẽ phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 10%, nâng vốn điều lệ lên 1.205,86 tỷ đồng. - BMI đang được giao dịch ở mức PB 1,13x, thấp hơn mức trung bình ngành 1,27x.
SZC	CTCP Sonadezi Châu Đức	36-38,5	38,4	36,15	- KQKD Q1/2023. Doanh thu 63,2 tỷ đồng (-77% YoY), LNST 11,8 tỷ đồng (-84,4% YoY). Doanh thu cho thuê đất -90,3% YoY, từ 272,7 tỷ xuống 26,3 tỷ. Chi phí tài chính tăng lên 11,7 tỷ (cùng kỳ 1,7 tỷ) do hạch toán chi phí lãi vay của dự án sân Golf đã ngừng vốn hóa. - Tổng diện tích đã ký hợp đồng nhưng chưa ghi nhận doanh thu của KCN Châu Đức tính tới cuối 2022 là 62ha, sẽ được ghi nhận dần từ 2023. Tăng tổng vốn đầu tư KĐT Châu Đức từ 1.237 tỷ đồng lên 9.804 tỷ đồng do chi phí GPMB và tiền sử dụng đất tăng. - SZC vừa thông báo ngày 07/7/2023 sẽ là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022, tỷ lệ 20%. Sau khi phát hành thành công, vốn điều lệ của Sonadezi Châu Đức sẽ tăng từ 1.000 tỷ đồng lên 1.200 tỷ đồng.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
IDC	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Việt Nam	44-47	44,6	42,4	- Năm 2023, IDC đặt KH Doanh thu 8.276,8 tỷ đồng, lãi trước thuế 2.525,2 tỷ đồng. - KQKD Q1/2023. Doanh thu thuần 246,8 tỷ đồng (-64,3% yoy), LNST 128 tỷ đồng (-39,2% yoy) = 5,8% KH. Nguyên nhân do doanh thu cho thuê hạ tầng KCN đáp ứng điều kiện ghi nhận một lần giảm so với cùng kỳ năm trước. Tại cuối Q1/2023, doanh thu chưa thực hiện dài hạn của IDC đạt 3.561 tỷ đồng, tăng 407 tỷ so với cuối năm 2022.
POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	16-16,5	14,2	13,4	- Năm 2023, POW đặt kế hoạch doanh thu 30.332 tỷ đồng (tăng 25%), lợi nhuận 11.118 tỷ đồng (giảm 52%), sản lượng điện thương phẩm đạt 15.590 triệu kWh (tăng 10%). Lũy kế 4 tháng ghi nhận sản lượng 5.372tr kWh (=34,4% KH), 10.421 tỷ đồng doanh thu (34,3% KH). - Ngày 25/5, Fitch Ratings năm thứ 3 liên tiếp xếp hạng tín nhiệm POW là nhà phát hành nợ dài hạn bằng ngoại tệ (IDR) tại mức BB với "Triển vọng tích cực". 05 tháng đầu năm 2023, POW ghi nhận sản lượng đạt 6.969 triệu kWh (44,7% KH2023), doanh thu đạt 13.771 tỷ đồng (45,4% KH2023). Tổ máy số 1 của nhà máy Vũng Áng 1 dự kiến vận hành từ giữa Q3/2023 thay vì cuối Q1/2023. Tháng 6/2023, POW đặt mục tiêu sản lượng điện 1.434 triệu kWh, doanh thu đạt 2.674 tỷ đồng. - Ngày 29/06/2023 đã diễn ra Lễ ký biên bản bàn giao hồ sơ Dự án Nhà máy điện Ô Môn III và Ô Môn IV giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam - PVN). - Tình hình triển khai Dự án NMĐ NT3 và 4, lãnh đạo PV Power cho biết, hiện nay tiến độ tổng thể thực hiện gói thầu EPC đạt khoảng 28,4%, dự kiến sẽ phát điện thương mại NMĐ NT3 vào tháng 11/2024 và phát điện thương mại NMĐ NT4 vào khoảng tháng 5/2025.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú	75-77	61,2	58,0	- Cập nhật KQKD 5T/2023: Sản lượng tiêu thụ cao su đạt 3.165,5 tấn (-32,8% YoY), Giá bán bình quân đạt 34,26 triệu đồng/tấn (-19,2% YoY), Doanh thu tiêu thụ cao su, dịch vụ đạt 172,58 tỷ đồng (-36,6% YoY), Lợi nhuận gộp về SXKD đạt 86,2 tỷ đồng (-4,9% YoY). - KH2023 doanh thu 819,6 tỉ đồng, lãi sau thuế 220 tỉ đồng. Phát hành cổ phiếu thưởng tỉ lệ 1:1. Cổ tức 2022 dự kiến tỷ lệ 30%, trường hợp thưởng cổ phiếu trước khi chốt danh sách chia cổ tức thì tỷ lệ chia cổ tức là 15%/VĐL. Cổ tức 2023 tối thiểu 15%. - Tiến độ triển khai 02 KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú: Bổ sung quy hoạch KCN của tỉnh Bình Phước đã được thực hiện. Chủ trương đầu tư 02 KCN Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú phải được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt. Hiện tại dự án mở rộng KCN Bắc Đồng Phú đã có báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong tháng 05/2023 với diện tích 317 ha, có khả năng triển khai thực hiện trong năm 2023. Dự án KCN Nam Đồng Phú dự kiến tăng vốn điều lệ trong năm 2023 "là điều kiện đủ để nộp hồ sơ xin chủ trương đầu tư.
PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex	37-39	39,3	37,5	- KQKD Q1/2023. Doanh thu thuần 1.968,4 tỷ đồng (-6,0% YoY), LNST 33,2 tỷ đồng (-18,1% YoY), hoàn thành 22% KH doanh thu và 21% KH LNTT. - Cập nhật ĐHĐCĐ 2023. PLC đặt kế hoạch trong bối cảnh thị trường khó khăn. Lợi thế chính của PLC trong 2023 là nhựa đường. Mảng mở nhờn giảm sút, cố gắng duy trì thị phần. Mảng hóa chất vẫn khó khăn. Thị phần các mảng hiện tại của PLC: (1) Nhựa đường: 28-30%; (2) Dầu nhờn 7-8%; (3) Hóa chất 19%. Kế hoạch cổ tức 2023: Không thấp hơn 12%.
FPT	CTCP FPT	120	87,8	86,0	- Kế hoạch 2023 doanh thu 52.289 tỷ đồng (+18,2%) và lợi nhuận trước thuế 9.055 tỷ (+19%). Lũy kế 5 tháng, FPT ghi nhận doanh thu 19.943 tỷ đồng (+22,9% YoY), lãi trước thuế 3.610 tỷ đồng (+19,2% YoY), tương ứng 38% KH doanh thu và 39,8% KH lợi nhuận. - Ngày 13/7/2023 thanh toán cổ tức còn lại năm 2022 tỉ lệ 10% bằng tiền, tỷ lệ 20:3 bằng cổ phiếu.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50-52	45,9	43,35	- Q1/2023, BID dư nợ 1,56 triệu tỷ đồng (+4% YTD), huy động 1,5 triệu tỷ đồng, (+1% YTD), lãi trước thuế 6.919 tỷ đồng (+53% yoy), NIM giảm nhẹ xuống 2,8%. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm 26% YoY giúp BID ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng đột biến. KQKD Q1 của BID tương đương hoàn thành 27% kế hoạch LNTT (kịch bản tăng trưởng lợi nhuận 10%). - Tại cuối Q1/2023, tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,55%, nợ nhóm 2 tăng 44,5% so với đầu năm 2022. Điểm tích cực là BID có tỷ lệ dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối Q1/2023 là 171%, cao thứ 3 toàn ngành. Thông tư 02 về cơ cấu lại kỳ hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ kỳ vọng là yếu tố hỗ trợ doanh nghiệp, góp phần giảm rủi ro nợ xấu toàn hệ thống. - Năm 2023, BID sẽ tăng thêm 21,69% vốn điều lệ lên 61.557 tỷ đồng (12,69% cổ phiếu trả cổ tức năm 2021, 9% qua phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư hoặc chào bán ra công chúng). BID đã tiếp xúc 38 nhà đầu tư và đang kết hợp với NHNN thống nhất tiêu chuẩn đối tác đi kèm với tiếp xúc một số nhà đầu tư tiềm năng để hoàn thành mục tiêu tăng vốn trong năm 2023.
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	29-30	30,65	29,8	- Năm 2023, STB đặt KH lãi trước thuế 9.500 tỷ đồng (+50% YoY), tăng trưởng tín dụng 12%, tăng trưởng huy động 11%, nợ xấu dưới 2%. Q1.2023, tăng trưởng tín dụng 2%, tiền gửi khách hàng tăng 5%, tỷ lệ nợ xấu 0,98%, LNTT 2.382 tỷ đồng, tăng 49% YoY, hoàn thành 25% kế hoạch, trích lập dự phòng trái phiếu VAMC là 1.076 tỷ đồng. - Giai đoạn tái cơ cấu giúp STB lành mạnh hóa tài sản, hạn chế rủi ro nợ xấu mới phát sinh, không chịu rủi ro mảng trái phiếu doanh nghiệp. Năm 2022, lãi trước trích lập chi phí theo Đề án tái cơ cấu của STB là 19.940 tỷ đồng. Năm 2023, STB sẽ trích lập 4.400 tỷ đồng dự phòng 100% trái phiếu VAMC, hoàn thành Đề án tái cơ cấu. - Câu chuyện đầu tư. Định hướng trình NHNN phương án xử lý 32% cổ phiếu đảm bảo do VAMC quản lý, đấu giá KCN Phong Phú để xử lý nợ. Chia cổ tức, bán cổ phần cho cổ đông chiến lược sau khi tái cơ cấu.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
GMD	CTCP Gemadept	59-60	53,9	51,9	- KH 2023: doanh thu 3.920 tỷ đồng (+0,5% YoY), lãi trước thuế 1.136 tỷ đồng (-13% YoY), trả cổ tức 2022 tỷ lệ 20% bằng tiền. Dừng phương án phát hành thêm tỷ lệ 3:1 giá 20.000đ cho cổ đông. - Ngày 24/5/23 GMD đưa vào khai thác GD2 cảng Nam Đình Vũ có công suất tương đương cảng Nam Hải Đình Vũ, GD3 dự kiến sẽ được đầu tư và vận hành từ 2025. Q1/2023 ghi nhận 902 tỷ đồng doanh thu (+2,7% YoY), 255 tỷ đồng lãi sau thuế (-20% YoY). - Dự kiến, thương vụ thoái vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ giúp cho Gemadept thu về lợi nhuận trên 2.000 tỷ đồng, có thể được ghi nhận vào trong kết quả kinh doanh quý III. "Dựa trên chỉ tiêu kế hoạch cộng với lợi nhuận từ thoái vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ thì lợi nhuận hợp nhất năm nay của công ty kỳ vọng đạt hơn 3.100 tỷ đồng". Bên cạnh đó, vào thời điểm cuối năm, dựa trên kết quả kinh doanh và kế hoạch đầu tư các dự án mà công ty sẽ cân nhắc việc chia cổ tức đặc biệt từ thương vụ thoái vốn Cảng Nam Hải Đình Vũ.
PVT	Tổng CTCP Vận tải Dầu khí	26-28	23,65	23,15	- PVTrans đặt KH2023 tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.800 tỷ đồng (-29% YoY), lợi nhuận sau thuế 538 tỷ đồng (-53% YoY), cổ tức 10%. Năm 2022 cổ tức thông qua là 10% bằng cổ phiếu. Kế hoạch đầu tư năm 2023, PVT dự kiến chi 4.114 tỷ đồng cho hoạt động đầu tư. Trong đó, 3.854 tỷ đồng dành cho đầu tư tàu và 260 tỷ đồng đầu tư góp vốn vào các đơn vị thành viên. - Trong 6 tháng đầu năm 2023, PVTrans ước tính doanh thu 4.360 tỷ đồng, bằng 134% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm, đạt 64% so với kế hoạch doanh thu năm. Lợi nhuận sau thuế nửa đầu năm 2023 ghi nhận 488 tỷ đồng, bằng 195% so với kế hoạch 6 tháng đầu năm và thực hiện được 91% so với kế hoạch lợi nhuận năm. - CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific, mã chứng khoán PVP), đơn vị thành viên của PVTrans vừa tiếp nhận tàu dầu hóa chất cỡ lớn Pacific Era, trọng tải 50.057 DWT đóng tại Hàn Quốc.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK.	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam	35-36	36,4	34,45	- CSV đặt KH2023 doanh thu hợp nhất 1.956 tỷ đồng (-7% YoY), lãi trước thuế hợp nhất 270.4 tỷ đồng (-47% YoY), cổ tức 15%. CSV trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 35%. Ngày 05/06/2023 CSV sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức đợt 2/2022, bằng tiền với tỷ lệ 10%. - KQKD Q1/2023: Doanh thu thuần đạt 391,62 tỷ đồng (-18,8% YoY), LNST đạt 70,9 tỷ đồng (-36,9% YoY) do sản lượng và giá bán bình quân trong kỳ đều sụt giảm. - Dự án Nhà máy Hóa chất Nhơn Thạch sẽ đầu tư trước dây chuyền sản xuất Xút-Clo công suất 20.000 tấn NaOH/năm, tiếp theo sẽ di dời cuốn chiếu các dây chuyền sản xuất khác tại KCN Biên Hòa 1 về KCN Nhơn Thạch 6.
PNJ	CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận	120	76,4	75,0	- Kế hoạch 2023 doanh thu đạt 35.600 tỷ đồng (+5,1% YoY), lãi sau thuế 1.937 tỷ đồng (+6,9% YoY), cổ tức 20%, phát hành ESOP tối đa 1,5% tổng số cổ phiếu lưu hành theo kết quả kinh doanh. PNJ trả cổ tức năm 2022 bằng tiền tỷ lệ 20%. - PNJ ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế tháng 5 lần lượt đạt 2.223 tỷ đồng (-16,8%) và 111 tỷ đồng (-20,8%), giảm so với mức nền cao kỷ lục cùng kỳ 2022. Lũy kế 5 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 14.281 tỷ đồng (-8,4%) và lợi nhuận sau thuế đạt 970 tỷ đồng (-3,5%). - Sprucegrove Investment Management Ltd (Canada) vừa báo cáo trở thành cổ đông lớn của PNJ với tỷ lệ 5,06%. Theo đó, Sprucegrove Investment đã mua vào 650.300 cổ phiếu PNJ trong phiên 22/06/2023, nâng sở hữu từ 4,86% (15,93 triệu cp) lên 5,06% (16,58 triệu cp).



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK.	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	22-24	19,9	19,4	- Kế hoạch năm 2023 doanh thu đạt 27.527 tỷ đồng (-2,7% YoY), lợi nhuận sau thuế 4.264 tỷ đồng (-10,3%), cổ tức 2022 tỷ lệ 3,5%. Công ty dự tính sẽ chi 1.581 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản 378,2 tỷ đồng (gấp 57,3 lần năm 2022), đầu tư tài chính dài hạn 1203,4 tỷ đồng (gấp 2,7 lần năm 2022). - Q1/2023 ghi nhận doanh thu thuần 4.135,17 tỷ đồng (-15,50% YoY), LNST đạt 755,68 tỷ đồng (-42,56% YoY). - Ngày 24/05/2023, UBND tỉnh Bình Dương quyết định cho phép NTC (công ty con của GVR) thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án KCN Nam Tân Uyên mở rộng (giai đoạn 2) tại TP Tân Uyên với tổng diện tích 3.443.372,1 m². Thời gian cho thuê đến ngày 13/9/2068 và dự kiến tháng 7 tới sẽ khởi công. Ngoài ra, lãnh đạo tập đoàn dự báo trong năm nay tập đoàn sẽ có 2 - 3 KCN khác được Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư và tỉnh cũng sẽ cho thuê đất. - Triển vọng: 1/Nhu cầu cao su tự nhiên từ Trung Quốc phục hồi sau giai đoạn phòng chống Covid; 2/Mở rộng diện tích các KCN thông qua chuyển đổi đất trồng cây cao su và phát triển mới nhằm đón đầu xu hướng chuyển dịch đầu tư từ các quốc gia sang Việt Nam. Hiện tại GVR đang khai thác 3.932ha diện tích các KCN tại Tp. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước...và mục tiêu tới năm 2025 sẽ phát triển thêm 19.513ha, nâng tổng diện tích các KCN lên 23.444ha (1.734ha đang triển khai các thủ tục đầu tư). 3/Nghị định 10 bổ sung Luật Đất đai sẽ giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án KCN của GVR.



Biến cơ hội thành giá trị

DANH SÁCH MÃ KHUYẾN NGHỊ NĂM 2023

Mã CK.	Tên doanh nghiệp	Giá mục tiêu PTKT (nghìn đồng)	Giá cao nhất tháng 6/2023	Giá tại ngày 30/6/2023	Ghi chú
KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc	34-35	30,6	29,35	- Ước tính trong 6 tháng đầu năm, doanh thu của KBC đạt 4.500 tỷ đồng và lợi nhuận đạt 2.000 tỷ, hoàn thành 50% kế hoạch cả năm. Chỉ tiêu kế hoạch diện tích cho thuê KCN 2023 là 250ha, hiện nay đã đạt được 70%. - Tính đến 22/6/2023, KBC đã thanh toán toàn bộ 3.900 tỷ đồng trái phiếu, đưa dư nợ trái phiếu về 0. - KBC sẽ mua 11,88 triệu cổ phần chào bán riêng lẻ - mệnh giá 100.000 đồng/cp - của CTCP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (SHP) – là công ty con (KBC sở hữu 86,54%, tương đương 3,6 triệu cổ phần). Phương thức thực hiện là chuyển đổi khoản nợ phải thu 1.188 tỷ đồng thành tổng số tiền thực hiện mua cổ phần chào bán. Sau giao dịch này, KBC sẽ sở hữu 15,48 triệu cp SHP. - SHP là chủ đầu tư dự án Khu công nghiệp và Khu đô thị Trảng Duệ tại Hải Phòng. Trong đó, KCN Trảng Duệ 1&2 với tổng quy mô 402ha đã lấp đầy 100% vào năm 2019. Hiện KBC sẽ tiếp tục hoàn thiện phê duyệt và chấp thuận chủ trương đầu tư cho dự án Khu công nghiệp Trảng Duệ 3 (687ha), dự kiến vào Quý 3/2023.



Biến cơ hội thành giá trị

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng phụ trách: Ngô Thế Hiển
Hien.nth@shs.com.vn

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
Cuong.hnv2@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
Nhat.pt@shs.com.vn

Trưởng nhóm: Đoàn Thị Ánh Nguyệt
Nguyet.dta@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
Thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Trần Hồng Mây
May.th@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
Kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg, FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan
Số 235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q1,
Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn